

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN**  
**(1930 - 1954)**

**LÝ NHÂN 10-2000**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN**  
**(1930 - 1954)**

*In lần thứ hai, có chỉnh lý, bổ sung*

ĐC. 610

LÝ NHÂN 10-2000

## LỜI GIỚI THIỆU

*Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết số 41 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn Lịch sử Đảng bộ địa phương. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Lý Nhân khóa XV đã tiến hành sưu tầm, biên soạn, xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện (1930 - 1954) và ra mắt bạn đọc vào dịp kỷ niệm 48 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/1978). Cuốn sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân giai đoạn (1930 - 1954) được phát hành đã góp phần giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng thế hệ trẻ về truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang, rất đáng tự hào của Đảng bộ và nhân dân trong huyện từ khi có Đảng lãnh đạo. Vượt qua bao khó khăn, gian khổ hy sinh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã làm cách mạng tháng Tám thành công, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân và bắt tay vào cuộc chiến đấu 9 năm kháng chiến trường kỳ, đầy cam go, thử thách với những chiến công hiển hách. Những thắng lợi đó đã góp phần cùng quân và dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, tiến hành xây dựng quê hương, xây dựng miền Bắc XHCN và đấu tranh thống nhất nước nhà.*

*Do nguồn tư liệu lưu giữ không tập trung, lại chưa được bảo quản chu đáo, cho nên cuốn sơ thảo không tránh khỏi những thiếu sót. Để thiết thực chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2000, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đại hội đại biểu Đảng bộ*

*huyện lần thứ XXII. Đồng thời thể theo yêu cầu của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt; các đồng chí am hiểu sự kiện của thời kỳ này và của đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XXI) quyết định tiến hành, chỉnh lý, bổ sung và tái bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn (1930 - 1954).*

*Kế thừa những kết quả sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn đã có, lại được sự giúp đỡ của Viện Lịch sử Đảng Trung ương, Viện Sử học, của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đặc biệt là những ý kiến đóng góp cụ thể, trách nhiệm của các đồng chí am hiểu sự kiện của thời kỳ này. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Lý Nhân xin trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp và sự giúp đỡ quý báu đó.*

*Tuy nhiên, cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân giai đoạn (1930 - 1954) được tái bản lần này vẫn không khỏi còn những khiếm khuyết, vì vậy, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Lý Nhân mong tiếp tục nhận được những ý kiến đóng góp giúp cho cuốn sách đảm bảo tính chân thực, chuẩn xác và tính giáo dục cao trong những lần tái bản sau.*

*Xin trân trọng cảm ơn.*

**T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
HUYỆN LÝ NHÂN**

*Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy*

**NGUYỄN TUẤN XÀ**



Hội nghị tọa đàm, đóng góp ý kiến cho Lịch sử Đảng bộ huyện  
(1930 - 1954)





DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ ĐỀN TRẦN THƯƠNG  
Xã Nhân Đạo - Huyện Kỳ Sơn - Tỉnh Hà Nam

*Đền Trần Thương xã Nhân Đạo.*

## CHƯƠNG I

# HUYỆN LÝ NHÂN - MẢNH ĐẤT - CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG XƯA VÀ NAY

Huyện Lý Nhân nằm ở phía đông bắc tỉnh Hà Nam, được bao bọc bởi sông Hồng và sông Châu Giang. Phía đông qua sông Hồng là tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, phía tây và bắc giáp huyện Bình Lục và huyện Duy Tiên, phía nam giáp tỉnh Nam Định.

Lý Nhân là vùng đất được hình thành rất sớm, ngay từ những buổi đầu dựng nước Văn Lang. Theo các dấu tích lịch sử, các thần tích, ngọc phả, bia ký, mộ chí còn lưu giữ ở các đình, đền trong huyện và các truyền thuyết trong dân gian, vào khoảng hơn 2000 năm trước công nguyên đã có một bộ phận người Việt cổ từ thượng lưu sông Hồng xuôi dần về hạ lưu, cư trú trên các doi đất cao ven sông, hình thành các vùng dân cư, trong đó có miền quê Lý Nhân ngày nay.

Trải qua quá trình phát triển hàng ngàn năm, từ gia đình đến các dòng họ và lớn lên thành các phe, giáp, rồi đến các tổ chức làng, xã, tổng, phủ, huyện. Ban đầu

nhân dân sống tụ cư theo huyết thống hoặc ngành nghề theo kiểu “Bát Xá”, “Lục Đà”, “Thất Khê”<sup>(1)</sup>.

Dưới thời quốc gia Văn Lang, Lý Nhân thuộc bộ Giao Chỉ, sau này thuộc huyện Chu Diên, quận Vũ Bình, bộ Giao Chỉ. Thời Lý, Trần thuộc châu Lý Nhân<sup>(2)</sup>, lộ Đông Đô (nay thuộc Hà Nội). Thời Lê Sơ, Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông chia nước ta làm 12 đạo Thừa Tuyên, đổi châu Lý Nhân thành phủ Lý Nhân, thuộc đạo Thừa Tuyên, Sơn Nam Thượng. Đồng thời cho đổi tên huyện Lý Nhân thành huyện Nam Xương (đọc chệch là Nam Xang) cho khỏi trùng với tên phủ Lý Nhân.

Huyện lỵ trước đây đặt ở Chi Long đến năm 1829 mới chuyển về Nga Thượng, Nga Khê (nay thuộc xã Nguyên Lý).

Năm 1832, huyện Nam Xương và Bình Lục được tách khỏi phủ Lý Nhân<sup>(3)</sup> để lập thành phân phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội<sup>(4)</sup>. Ngày 21 tháng 3 năm Thành Thái thứ II (1890) huyện Nam Xang cùng huyện Bình Lục, Thanh Liêm lập thành phủ Liêm Bình, thuộc tỉnh Nam Định.

---

(1) Bát Xá gồm: Vũ Xá, Trần Xá, Công Xá, Mai Xá, Nam Xá, Trương Xá, Nguyễn Xá, Văn Xá.

- Lục Đà: Cao Đà, Vinh Đà, Đà Tiềm, Đà Xuyên, Đà Trung, Bảo Đà.

- Thất Khê: Xuân Khê, Lại Khê, Kinh Khê, Lương Khê, Phú Khê, Nga Khê, Hòa Khê.

(2) Châu Lý Nhân, phủ Lý Nhân là tỉnh Hà Nam ngày nay

(3) Lúc này phủ Lý Nhân được đổi là phủ Lý Nhân

(4) Tỉnh Hà Nội được thành lập năm 1831.



Cuối năm 1890, chính quyền thực dân Pháp phân chia lại các đơn vị hành chính, bỏ cấp phủ thành lập các tỉnh mới thì phủ Lý Nhân được tách khỏi tỉnh Hà Nội và sát nhập thêm mấy tổng của Nam Định, thành lập tỉnh Hà Nam (20-10-1890). Huyện Nam Xang tách khỏi Nam Định trở về với tỉnh Hà Nam. Ngày 31-3-1923, huyện Nam Xang được lấy lại tên cũ là Lý Nhân.

Toàn huyện có 16.546 ha đất tự nhiên, trong đó có 11.531 ha đất nông nghiệp. Địa hình Lý Nhân thuộc dạng lòng chảo nghiêng dần về phía đông nam. Đặc điểm đó đã tạo ra các vùng sinh thái khác nhau : Vùng đất bãi bồi ngoài đê sông Hồng và bồi sông Châu Giang; vùng đồng chiêm trũng (chiếm 2/3 diện tích); vùng đất màu và cây công nghiệp. Đối với vùng đồng chiêm trũng, cốt đất thấp, độ pH cao, độ phì thấp, đất kém màu mỡ thường chỉ cấy được một vụ chiêm là chính còn vụ mùa chỉ cấy được một phần nơi ruộng cao, còn phổ biến trồng ngô, khoai. Dưới chế độ phong kiến, thực dân đồng ruộng, đê điều không được chú trọng, cho nên mùa màng bấp bênh phụ thuộc vào thiên nhiên. Từ sau cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ, chính quyền đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp. Có Đảng lãnh đạo, cùng với bàn tay lao động cần cù của nhân dân, tích cực đầu tư, cải tạo ruộng đồng. Cho nên, cả ba vùng đều có tiềm năng để phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh, toàn diện.

Lý Nhân có hai con sông lớn bao quanh. Sông Hồng dài 28 km nối tiếp từ Tắc Giang <sup>(1)</sup> giáp huyện Duy Tiên, đổ ra biển qua cửa Ba Lạt (Nam Định). Sông Châu

---

(1) Từ cuối thế kỷ 19 trở về trước, sông Châu được nối liền với sông Hồng. Thời Pháp cho đắp ngăn cửa sông Châu lại cho nên gọi là Tắc Giang.

Giang là một nhánh của sông Hồng bắt đầu từ Tác Giang đổ ra sông Hồng qua Hữu Bị. Ngoài ra Lý Nhân còn có sông Long Xuyên bắt đầu từ cống Vũ Xá chảy qua cống Vua đổ ra sông Châu Giang cùng hệ thống kênh, mương ngang dọc do công sức của nhân dân tạo nên...

Trước đây giữa thôn Văn Nội với thôn Phú Khê (Chung Lý nay là Bắc Lý) có một cây cầu lớn bằng gỗ bắc qua sông Long Xuyên gọi là “Cầu Không”. Do thời gian và chiến tranh tàn phá, nên cầu bị sập đổ trong kháng chiến chống Pháp.

Giao thông luôn là huyết mạch trong guồng máy kinh tế của địa phương. Trong huyện có hai đường giao thông lớn: Đường 62 từ Như Trác qua giữa huyện đi Phủ Lý, đường 63 từ Nam Định đi Duy Tiên và có đê sông Hồng dài 28 km, bồi sông Hồng, bồi sông Châu dài trên 40 km. Bên cạnh đó, giao thông đường thủy cũng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế qua các triều đại phong kiến.

Dưới thời thuộc Pháp, đê điều, cầu cống, đường sá không được tu bổ thường xuyên, cho nên “chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã lụt” đường sá lầy lội, thảm cảnh “Nam Xang tứ cố đại hà”, “6 tháng đi chân, 6 tháng đi tay” (đi bằng thuyền) đã ăn sâu vào trong tiềm thức của người dân nơi đây. Từ cách mạng tháng Tám đến nay, giao thông gắn liền với thủy lợi luôn được Đảng bộ và chính quyền coi trọng. Trong những năm đổi mới, mạng lưới giao thông đã được quan tâm đầu tư xây dựng, tu sửa và nâng cấp, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân <sup>(1)</sup>.

---

(1) Đến nay, toàn huyện có 1.102 km đường giao thông các loại.

Lý Nhân vốn là huyện thuần nông. Từ xa xưa, các công trình trị thủy đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng. Từ khi có Đảng đến nay, công tác thủy lợi luôn được đặt lên hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Qua nhiều tháng năm lao động vất vả, nhân dân trong huyện đã đóng góp rất nhiều công sức, tiền của để xây dựng các công trình thủy lợi, đê, bồi. Hàng trăm km đê, bồi sông Hồng, sông Châu Giang, sông Long Xuyên, cùng hàng ngàn km mương, máng tưới, tiêu nước phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp.

Trong sản xuất nông nghiệp, cây lúa nước có vị trí đặc biệt quan trọng đối với người nông dân. Từ rất sớm, người Lý Nhân đã biết tuyển lựa, du nhập các loại giống lúa ngon, phù hợp với đồng đất quê mình như nếp Cái hoa vàng ở Mạc Thượng, Tả Hà, nếp Quýt ở Phú Đa, vừa dẻo, vừa thơm, lúa Ri hương, Dụ, Tám thơm nổi tiếng. Ở chân ruộng cao có giống lúa Lốc gieo xạ trên cạn, ở chân trũng thường cấy lúa Rong gạo đỏ, cứng cây, chịu ngập, chịu rét, ít sâu bệnh, năng suất ổn định...

Trong vườn nhà và trên đất bãi, nhân dân đã lựa chọn trồng những giống cây ăn quả quý có giá trị kinh tế như cam chanh, quýt cơm (Văn Lý, Tảo Môn), hồng (Nhân Hậu), chuối tiêu hồng, chuối ngự (Đại Hoàng), nhãn Đông Nhuệ... nức tiếng trong và ngoài tỉnh.

Nhân dân Lý Nhân sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng (chiếm hơn 90% dân số), ngoài ra có một số người làm nghề thủ công và buôn bán nhỏ. Nhiều nghề thủ công truyền thống từ lâu đã phát triển trên mảnh đất này. Nghề mộc với những đôi bàn tay vàng của những người thợ dân gian đã tạo nên nhiều công trình kiến trúc độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc như đình Văn Xá (Đức Lý), Kiệu Lồng (đình Thọ Chương) và nhiều đình chùa, đền, đài khác. Nơi có nhiều thợ lành nghề

có tiếng là Cao Đà, Nhân Giả... Nghề dệt lụa ở Nga Khê, dệt vải ở Đại Hoàng, nghề tằm tơ ở Văn Lý, nổi tiếng khắp nơi. Qua giao lưu thương mại, theo bước chân của các thương nhân, lụa Nga Khê và một số hàng đặc sản của Lý Nhân sớm có mặt ở Nam Bộ.

Nghề mây, tre đan cũng có từ rất sớm và khá phổ biến ở Lý Nhân, đã tạo ra các sản phẩm vừa bền, vừa đẹp như thúng Quang Ốc, gầu giai chợ Cầu, dầm, sàng, rổ, rá Mạc Thượng, bồ, cót Vũ Xá (Đạo Lý), lờ, dó Hội Động (Đức Lý)... Từ cây mây, lũy tre gắn bó với làng quê, người Lý Nhân đã tạo ra nhiều sản phẩm có ích như cây chông, cánh ná, mũi tên diệt giặc, đến các đồ gia dụng phục vụ đời sống.

Ngoài ra, ở tổng Ngu Nhuế có nghề làm bánh, tổng Vũ Điện có nghề thêu, nghề dệt, tổng Thổ Ốc có nghề thợ may, làm gạch, thợ nề, thợ mộc. Ở các làng ven sông Hồng có nghề vớt cá, nuôi cá bột... Tính chung, Lý Nhân có tới 20 ngành nghề thủ công cổ truyền, nhưng người làm nghề chuyên nghiệp chỉ có gần 2.000 người <sup>(1)</sup>.

Theo số liệu năm 1941, Lý Nhân có 400 thôn, 9 tổng, 86 xã, qua nhiều lần nhập vào, tách ra năm 1948, 1955... nay được tổ chức thành 22 xã, 1 thị trấn với 334 thôn, xóm. Năm 1950 dân số của huyện có 88.240 người <sup>(2)</sup>. Hiện nay dân số toàn huyện là 186.202 người <sup>(3)</sup>.

---

(1) Theo tài liệu của tên chánh công xứ Hà Nam gửi cho toàn quyền Đông Dương năm 1931.

(2) Báo cáo của Huyện ủy năm 1950. Lưu VP Huyện ủy (trong đó có 40.991 nam, 47.249 nữ).

(3) Theo số liệu điều tra dân số ngày 1-4-1999.

Phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, truyền thống hiếu học của người Lý Nhân được sử sách ghi nhận.

Là một trong 6 huyện thuộc châu Lý Nhân của Đông Đô trước đây, lại có quan hệ khăng khít với Nam Định, Hưng Yên, Thái Bình, người Lý Nhân đã biết tiếp thụ những tinh hoa của nền văn minh Thăng Long, lại đón nhận dòng văn hóa Sơn Nam. Vì vậy người Lý Nhân vừa có vẻ duyên dáng của cố đô, vừa mang bản chất cần mẫn, chất phác của miền quê đồng chiêm trũng thuộc châu thổ sông Hồng. Sự hòa quện các nền văn hóa Thăng Long, Sơn Nam cùng bản chất đó đã tạo cho người Lý Nhân có bản lĩnh và nghị lực phi thường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

Trên vùng đất giàu truyền thống và hiếu học, Lý Nhân đã có những người con tài ba, lỗi lạc. Kể từ khoa thi nho học đầu tiên (1015) đến khoa thi cuối cùng (1919), Lý Nhân đã có hàng trăm người ứng thí, trong đó có 8 vị đỗ Tam giáp đồng Tiến sỹ hoặc Tiến sỹ, hàng chục người đỗ cử nhân. Như Tiến sỹ Bùi Viết Lượng, người làng Vĩnh Trụ làm đến quan Thượng Thư triều Lê Thánh Tông (1466), đã từng đi sứ phương Bắc, sau chán cảnh quan triều, tranh giành chức tước, treo ấn từ quan về quê làm thầy dạy học. Tiến sỹ Vũ Văn Lý<sup>(1)</sup> tài năng, thông tuệ, đức độ, làm quan Tế tửu Quốc Tử Giám (hiệu trưởng trường đại học duy nhất cả nước). Dưới thời vua Thiệu Trị, triều Nguyễn, không màng chức tước, bổng lộc trong chế độ phong kiến bảo thủ, trì trệ,

---

(1) Vũ Văn Lý: người làng Vĩnh Trụ, đỗ Tam giáp đồng Tiến sỹ khoa Tân Sửu (1841), sau đỗ Tiến sỹ giữ chức quan Tế tửu Quốc Tử Giám.

ông đã cáo quan về quê dạy học, mở mang dân trí, đào tạo nhân tài. Ông có những học trò xuất sắc như Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyên, Tiến sỹ Vũ Hữu Lợi thông minh, tài trí hơn người.

Trong các triều đại phong kiến, Lý Nhân còn có nhiều người đỗ đạt, khi đất nước nguy biến thì giúp vua đánh giặc, khi giặc tan thì cáo quan về làng giúp dân mở mang thái ấp, xây dựng quê hương. Họ là kẻ sỹ, là danh nhân của Lý Nhân đã góp phần không nhỏ trong việc bồi dưỡng ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu quê hương, để lại cho đời những áng văn, thơ nồng ấm tình quê, tình người, đầy tính nhân văn.

Truyền thống cần cù, hiếu học, trí thông minh có mạch nguồn từ ngàn xưa của nhân dân Lý Nhân luôn được gìn giữ và phát huy.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Lý Nhân tự hào có Nam Cao với nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Trong chống Mỹ, Lý Nhân lại vô cùng tự hào với: “Tiếng trống Bắc Lý” đơn vị Anh hùng, lá cờ đầu của phong trào thi đua “Hai tốt” của ngành Giáo dục cả nước.

Những nghi thức, phong tục tập quán, những lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, phản ánh rõ nét đặc điểm miền quê đồng chiêm Lý Nhân.

Hàng năm cứ mỗi độ xuân đến, thu sang, nhân dân trong huyện, những người con xa xứ cùng khách thập phương rạng rỡ cờ hoa, tấp nập đi lễ hội ở các đình, đền, miếu, phủ, trấn hội “Trần Thương”, tưởng nhớ tổ tiên và những vị công thần, khai quốc, cầm quân đánh giặc... của các bậc tiền bối.



Trong các lễ hội, hình thức tín ngưỡng tôn giáo có sự kết hợp hài hòa với các hoạt động văn hóa dân gian như hát trống quân, hát lả lè, hát vắn, hát cửa đình... bơi chải, chạy ngựa, vật võ, múa lân, đánh gậy... các làn điệu dân ca mượt mà xen lẫn nhịp trống dồn dập biểu thị tinh thần thượng võ.

Dưới triều Lý (thế kỷ XI) đạo Phật được truyền vào Lý Nhân. Sự giao hòa giữa tâm linh và tín ngưỡng của nhân dân với đạo Phật tạo nên bản sắc riêng mà dấu tích còn ghi lại ở nhiều đền, chùa trong huyện.

Theo bước chân của các nhà truyền giáo, cuối thế kỷ XIX, đạo Thiên chúa bắt đầu du nhập vào Lý Nhân. Tính đến tháng 10-1950, toàn huyện có 7.806 người theo đạo này.

Gắn liền với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, trên mảnh đất Lý Nhân từng ghi dấu nhiều chiến công oanh liệt được sử sách ghi lại và lưu truyền đến ngày nay. Sách *Đại Việt sử ký* có ghi: Ấp Đồng Lư của Trấn Sơn Nam có nhiều bậc đế vương khởi nghĩa, từ thời vua Hùng có nhiều tướng lĩnh đã khởi nghiệp từ đây... Sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi có viết: Ấp Đồng Lư có sông Lương Giang kể sát sông Nhị Hà, đây là điểm tiên tiêu của các bộ lạc vua Hùng. Lại kể ngã ba sông Luộc còn rạo rục công tích hiển hách của Ngô Quyền và hào khí Chương Dương của Trần Quang Khải. Hiện tại, ở Đình Thọ Chương (Đạo Lý); đền Đồng Lư (Chân Lý) vẫn còn sắc phong, bài vị thờ bốn vị tướng của vua Hùng thứ VI và thứ XVIII có công dẹp giặc, cùng nhiều bậc hiền nhân khác.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thế kỷ XIII, với tài thao lược của mình, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã biết lợi dụng địa hình sông nước, gò cao của Lý Nhân để xây dựng kho lương nuôi quân đánh giặc ở Trần Thương (Nhân Đạo)...

Truyền thống yêu nước của người Lý Nhân còn được viết tiếp trong các cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Thiên nhiên và con người Lý Nhân trong quá khứ cũng như hiện tại mãi mãi là mạch nguồn của sức mạnh làm nên những công tích lớn lao, đóng góp vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

Tinh thần đoàn kết, yêu nước nồng nàn, thiết tha với chế độ, cần cù, hiếu học, chất phác, uống nước nhớ nguồn là bản chất của nhân dân Lý Nhân. Tinh thần đó lại càng tỏa sáng khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

## CHƯƠNG II

# PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

### I - ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN - PHONG KIẾN

Cũng như trong cả nước và các huyện của tỉnh Hà Nam, ở Lý Nhân thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị thực dân nửa phong kiến. Chúng triệt để sử dụng những tên tay sai đắc lực, cho nắm giữ các chức vụ trong chính quyền. Ở cấp huyện, có tri huyện và bộ máy nho lại, thừa phái có một đội lính thường gọi là lính cơ khoảng hơn mười người. Mỗi tổng có chánh, phó tổng. Xã có lý trưởng, phó lý, chuồng bạ, trương tuần, chánh hội, phó hội, thư ký, thủ quỹ..., hội đồng hương chính, hội đồng tộc biểu do một tiên chỉ đứng đầu, hầu hết bọn chúng đều có tài sản và thân thế để nắm việc cai trị. Đặc biệt là hội đồng kỳ mục ở các làng xã, chúng định ra “lệ làng” và các hủ tục, phân biệt ngôi thứ ở góc chiếu giữa đình, bày đặt khao vọng, dâng cai, phạt vạ, nộp tiền cheo khi cưới xin, cùng nhiều hủ tục, tổn kém khác.

Về quân sự, chúng cho đóng đồn binh ở Như Trác để theo dõi, khống chế đàn áp phong trào yêu nước của nhân dân trong huyện và vùng lân cận.

Được thực dân Pháp dùng túng và bảo vệ, bọn địa chủ, cường hào, lý dịch đã dùng trăm phương, nghìn kế để cướp đoạt ruộng đất, bóc lột tô tức và nhân công rẻ mạt. Bên cạnh đó là chính sách ngu dân và đàn áp, xen kẽ thủ đoạn lừa bịp, mỵ dân. Do đó, đời sống của nhân dân Lý Nhân dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp ngày càng thêm khổ cực.

Nhân dân lao động, một mặt bị đè nén dưới sự áp bức của bè lũ quan lại, cường hào, một mặt bị ru ngủ bởi thần quyền, giáo lý, mê tín dị đoan. Ngoài ra chính sách chia rẽ lương, giáo là một công cụ đặc lực được thực dân Pháp sử dụng để thống trị. Trên khắp các làng quê Lý Nhân, luôn diễn ra cảnh tranh cướp ngôi thứ, ức hiếp dân lành, lễ bái, rước sách, đánh đập, kiện cáo lẫn nhau.

Với 163 đình, 124 chùa, 238 đền thờ, 71 nhà thờ (trong đó có 13 nhà thờ chính xứ). Tôn giáo được chúng sử dụng là phương tiện tuyên truyền nhiều tư tưởng phản động, gieo rắc sự hoài nghi, đổ kỵ, hiềm khích trong nhân dân. Chúng lợi dụng tôn giáo để mê hoặc các tín đồ, làm cho người dân lao động quên đi nỗi đau mất nước của một dân tộc có chủ quyền.

Chúng khuyến khích văn hóa đồi trụy như đồng bóng, bói toán, ma chay, cưới xin. Trong khi cả huyện có 2 xóm cô dâu, nhan nhản ổ cờ bạc, bàn đèn, thuốc phiện, nhưng chỉ có 1 trường kiêm bị ở Nga Khê (tương đương trình độ lớp 4 hiện nay) và một số trường tổng sư, hương sư, mà học sinh chủ yếu là con em gia đình khá giả, còn đại bộ phận nhân dân lao động không được học hành.

Với chính sách độc quyền về kinh tế, chúng khuyến khích mở các sòng bạc, ty rượu, ty thuốc phiện; hàng tháng ép dân đình phải tiêu thụ rượu Phong-ten (5 lít/

1 đình) : “Cứ 1.000 làng thì có đến 1.500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện”<sup>(1)</sup>. Đó là thủ đoạn vừa bóc lột về kinh tế, vừa xô đẩy một bộ phận nhân dân xa vào cảnh nghiện hút, cờ bạc.

Ở Lý Nhân, ruộng đất phần lớn là công điền, công thổ, dựa vào chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, các thế lực phản động câu kết với bọn địa chủ, cường hào chiếm đoạt ruộng đất công như : lậu đình, lậu điền, cắt xén bản đồ, bày ra tục lệ họ, phe, giáp tốn kém, mua rẻ, bán đắt, cho vay nặng lãi, lợi dụng lúc sưu cao, thuế nặng, tung tiền ra mua lúa non, dầu cơ, tích trữ, bán đắt khi giáp hạt, để bản cùng hóa nông dân rồi tiến tới cướp trắng ruộng đất của họ. Những tên địa chủ lớn như Chánh Hảo, Hàn Phong, Tham Huyền, Cựu Bản, mỗi tên chiếm hàng trăm mẫu ruộng. Cả làng Nội (An Trạch) có 221 mẫu ruộng thì tên Hảo chiếm 80 mẫu, Lý Quỳnh, em trai hắn chiếm 17 mẫu. Số ruộng còn lại rơi vào tay bọn hương lý. Nông dân ở đây hầu như không có ruộng trở thành người làm thuê cho anh em tên Hảo hoặc đi làm thuê nơi khác, số ít làm nghề buôn thúng bán bưng qua ngày. Tên Hàn Phong ở làng Nga Khê cũng chiếm 117 mẫu ruộng ở nhiều nơi. Cả huyện có 124 tên địa chủ chiếm trên 5.000 mẫu ruộng bằng 35% tổng số ruộng đất.

Bên cạnh đó, Lý Nhân còn có 173 phú nông cũng chiếm đoạt nhiều ruộng đất công dùng để cho vay nợ lãi, bóc lột nhân công.

Ngoài ra đất dành cho nhà Chung cũng tương đối lớn, mỗi nhà Chung chiếm ít nhất 50 mẫu ruộng, bề

---

(1) Hồ Chí Minh : Bản án chế độ thực dân Pháp - Tuyển tập - Tập I - NXB ST -1980, tr. 97.

ngoài là đạo điền nhưng thực chất là dùng ruộng để cho phát canh thụ tô, cho vay nợ lãi, dùng giáo lý mê hoặc để bóc lột con chiên. Các đình, chùa cũng chiếm tới 430 mẫu ruộng. Do đó, nông dân nhiều làng có rất ít hoặc không có ruộng đất để cày cấy, sinh sống, tiêu biểu là : Mạc Thượng, Chi Long, Do Đạo, Đà Tiêm, Lý Nhân...

Nông dân lao động chiếm hơn 90% dân số, nhưng chỉ được cấp khoảng 40% tổng số ruộng đất. Những nơi đất tốt, màu mỡ thì địa chủ, phú nông chiếm đoạt. Người nông dân phải cày cấy, gieo trồng ở những nơi đồng trũng đất chua phèn, thường xuyên bị úng lụt, mất mùa, đất bãi thường là những nơi đầu bờ, cuối bãi. Cảnh chiêm khô, mùa thối, xảy ra liên tiếp. Lao động quanh năm vất vả, thu hoạch thất bát do đó cơm không đủ no, áo không đủ ấm, thêm vào đó là ốm đau, bệnh tật không có nhà thương và không được thuốc thang chữa chạy. Cuộc sống cơ cực, nhiều gia đình phải tìm con đường sống bằng cách mò cua, bắt ốc, riu tép, đi làm thuê, làm mướn, nhiều người phải bỏ làng tha phương cầu thực nơi khác, đi làm phu đồn điền, khai thác hầm mỏ cho thực dân Pháp. Phần đông thanh niên các làng Dũng Kim, Mạc Thượng, Quan Nhân, Đồng Mụa, Cao Đà, Lý Nhân, Bàn Ba, Vạn Thọ, bỏ làng ra đi kiếm sống. Tại các hầm mỏ, đồn điền họ lại bị bọn chủ bóc lột tàn tệ, tiền công rẻ mạt, giá cả đắt đỏ, bị hành hạ, đánh đập. Thêm vào đó là khí hậu khắc nghiệt nơi “ma thiêng nước độc” nhiều người ra đi không có ngày trở về.

Với những thủ đoạn cai trị của thế lực thực dân, phong kiến vừa bóc lột về kinh tế, vừa mê hoặc bằng thần quyền đã đẩy nhân dân vào cuộc sống kiệt quệ, bần cùng. Đặc biệt từ khi phát xít Nhật nhảy vào, nông dân



“1 cô 2 trồng” phải chịu sưu, thuế nặng nề thêm, chúng tung tiền ra mua nông sản phục vụ chiến tranh, người nông dân bị ép phải bán nông sản với giá rẻ mạt. Thêm vào đó là chính sách phá màu trồng đay của giặc Nhật đã đẩy nhân dân lâm vào nạn đói thảm khốc tháng 3 năm 1945 làm cho hàng nghìn người dân trong huyện bị chết. Chỉ riêng xã Xuân Khê có 520 người chết đói.

Những người làm nghề thủ công chuyên nghiệp như: thợ mộc, thợ nề, đan lát, dệt lụa, dệt vải, một số công chức nhỏ, thầy đồ... cuộc sống tù túng với đồng lương ít ỏi, thất thường, phụ thuộc vào chính quyền tay sai. Họ cũng bị nhiều tầng áp bức, bóc lột, cùng chung cảnh ngộ của người dân nô lệ, lầm than, cho nên họ có tinh thần hăng hái đi theo cách mạng khi được giác ngộ.

Bị áp bức, bóc lột, đối xử bất công, tàn nhẫn, nông dân lao động từ lâu đã nung nấu ý chí và lòng căm thù giặc sâu sắc. Có nơi, nhân dân đã đoàn kết, nổi dậy chống lại sưu cao, thuế nặng, phu dài, tạp dịch cùng bao ách áp bức bất công khác. Ở những vùng ruộng công điền, nông dân các làng Đồng Nhuận, Mạc Thượng, Phú Cốc, Lý Nhân, Thanh Nga, Duyên Hà, Đồng Thủy, Thư Lâu, Trần Xá, Nga Khê... đã đấu tranh chống lại những thủ đoạn vợ vét, cướp đoạt trắng trợn công sức lao động của họ.

Nhìn chung, xã hội Lý Nhân dưới thời thuộc Pháp, thành phần chủ yếu vẫn là nông dân lao động và tầng lớp địa chủ bóc lột cùng một bộ phận nhỏ thợ thủ công. Do vậy mâu thuẫn cơ bản ở Lý Nhân lúc này là mâu thuẫn giữa những người dân mất nước, bị áp bức, bóc lột muốn vùng lên chống lại bạo lực, bất công, xóa bỏ hủ tục phong kiến với bè lũ thực dân và mâu thuẫn giữa

nông dân với chính quyền tay sai mà tiêu biểu là bộ máy quan lại, chức dịch đương thời, nặng đầu óc thủ cựu, phản động, bám gót giặc, muốn duy trì, bảo vệ quyền lợi ích kỷ của chúng với mọi hủ tục ở thôn quê.

Là một bộ phận của mảnh đất Hà Nam vốn giàu lòng yêu nước và ý chí kiên cường, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, nhân dân Lý Nhân có truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm từ thời Bắc thuộc, bảo vệ độc lập tự chủ của dân tộc, đến khi thực dân Pháp đặt ách cai trị lên đất nước ta; hai lần chúng đem quân đánh chiếm Bắc Kỳ (1873 - 1883) nhân dân Lý Nhân đã đứng lên theo lời kêu gọi của các sĩ phu yêu nước, liên tiếp vùng dậy chống ách áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến dưới nhiều hình thức.

Khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước 1884 bán hẳn nước ta cho đế quốc Pháp, thì những người có tấm lòng trung dũng, ý chí cách mạng đã nung nấu ngọn lửa đấu tranh chờ thời cơ để hành động. Một số sỹ phu yêu nước như cụ Hàn Đôn, Đỗ Văn Hoán người xã Nhân Giả đã tổ chức một đội quân phối hợp với các sỹ phu giữ thành Nam Định. Ông Vũ Văn Nghệ người làng Vĩnh Trụ, từng bôn ba hải ngoại, qua Trung Quốc, Nhật Bản, rồi đến học tại một trường ở Liên Xô, mong tìm đường cứu nước.

Từ năm 1924 - 1926, nhiều cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (nay là nhà máy Liên hợp dệt); phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925); lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh (1926) ở thành phố Nam Định, thị xã Phủ Lý, đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Lý Nhân. Trong các phong trào này có một số công nhân, học sinh của huyện tham gia, họ được giác ngộ, trở về nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ở quê hương.

“1 cổ 2 trùng” phải chịu sưu, thuế nặng nề thêm, chúng tung tiền ra mua nông sản phục vụ chiến tranh, người nông dân bị ép phải bán nông sản với giá rẻ mạt. Thêm vào đó là chính sách phá màu trồng đay của giặc Nhật đã đẩy nhân dân lâm vào nạn đói thảm khốc tháng 3 năm 1945 làm cho hàng nghìn người dân trong huyện bị chết. Chỉ riêng xã Xuân Khê có 520 người chết đói.

Những người làm nghề thủ công chuyên nghiệp như: thợ mộc, thợ nề, đan lát, dệt lụa, dệt vải, một số công chức nhỏ, thầy đồ... cuộc sống tù túng với đồng lương ít ỏi, thất thường, phụ thuộc vào chính quyền tay sai. Họ cũng bị nhiều tầng áp bức, bóc lột, cùng chung cảnh ngộ của người dân nô lệ, lầm than, cho nên họ có tinh thần hăng hái đi theo cách mạng khi được giác ngộ.

Bị áp bức, bóc lột, đối xử bất công, tàn nhẫn, nông dân lao động từ lâu đã nung nấu ý chí và lòng căm thù giặc sâu sắc. Có nơi, nhân dân đã đoàn kết, nổi dậy chống lại sưu cao, thuế nặng, phu đài, tạp dịch cùng bao ách áp bức bất công khác. Ở những vùng ruộng công điền, nông dân các làng Đồng Nhuận, Mạc Thượng, Phú Cốc, Lý Nhân, Thanh Nga, Duyên Hà, Đông Thủy, Thư Lôu, Trần Xá, Nga Khê... đã đấu tranh chống lại những thủ đoạn vơ vét, cướp đoạt trắng trợn công sức lao động của họ.

Nhìn chung, xã hội Lý Nhân dưới thời thuộc Pháp, thành phần chủ yếu vẫn là nông dân lao động và tầng lớp địa chủ bóc lột cùng một bộ phận nhỏ thợ thủ công. Do vậy mâu thuẫn cơ bản ở Lý Nhân lúc này là mâu thuẫn giữa những người dân mất nước, bị áp bức, bóc lột muốn vùng lên chống lại bạo lực, bất công, xóa bỏ hủ tục phong kiến với bè lũ thực dân và mâu thuẫn giữa

nông dân với chính quyền tay sai mà tiêu biểu là bộ máy quan lại, chức dịch đương thời, nặng đầu óc thủ cựu, phản động, bám gót giặc, muốn duy trì, bảo vệ quyền lợi ích kỷ của chúng với mọi hủ tục ở thôn quê.

Là một bộ phận của mảnh đất Hà Nam vốn giàu lòng yêu nước và ý chí kiên cường, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, nhân dân Lý Nhân có truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm từ thời Bắc thuộc, bảo vệ độc lập tự chủ của dân tộc, đến khi thực dân Pháp đặt ách cai trị lên đất nước ta; hai lần chúng đem quân đánh chiếm Bắc Kỳ (1873 - 1883) nhân dân Lý Nhân đã đứng lên theo lời kêu gọi của các sĩ phu yêu nước, liên tiếp vùng dậy chống ách áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến dưới nhiều hình thức.

Khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước 1884 bán hẳn nước ta cho đế quốc Pháp, thì những người có tấm lòng trung dũng, ý chí cách mạng đã nung nấu ngọn lửa đấu tranh chờ thời cơ để hành động. Một số sỹ phu yêu nước như cụ Hàn Đôn, Đỗ Văn Hoán người xã Nhân Giả đã tổ chức một đội quân phối hợp với các sỹ phu giữ thành Nam Định. Ông Vũ Văn Nghệ người làng Vĩnh Trụ, từng bôn ba hải ngoại, qua Trung Quốc, Nhật Bản, rồi đến học tại một trường ở Liên Xô, mong tìm đường cứu nước.

Từ năm 1924 - 1926, nhiều cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (nay là nhà máy Liên hợp dệt); phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925); lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh (1926) ở thành phố Nam Định, thị xã Phủ Lý, đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Lý Nhân. Trong các phong trào này có một số công nhân, học sinh của huyện tham gia, họ được giác ngộ, trở về nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ở quê hương.

Từ đây dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, của cách mạng vô sản, truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, chống áp bức bóc lột của nhân dân trong huyện có bước phát triển mới, hòa nhập vào xu thế chung của dân tộc. Đó cũng là cơ sở để nuôi dưỡng phong trào yêu nước, rèn luyện tinh thần đấu tranh, ý chí cách mạng của nhân dân. Đưa nhân dân lao động gia nhập lực lượng đông đảo của cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

## II - NHỮNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN

Để bù đắp những thiệt hại sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp đã tăng cường chính sách bóc lột nhân dân các nước thuộc địa bằng kế hoạch khai thác thuộc địa lần thứ 2. Ở Việt Nam chúng tìm mọi cách đẩy giá nông sản xuống thấp<sup>(1)</sup>, trong khi sưu, thuế ngày càng nặng nề (2 đồng 5 hào/xuất sưu). Năm trong bối cảnh đó, nhân dân Lý Nhân vốn đã đói nghèo lại càng thêm khổ cực.

Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "*Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*"<sup>(2)</sup>. Từ đó, Người đã ra sức truyền bá chủ

---

(1) Giá thóc lúc đó từ 15 xu đến 17 xu 1 thùng, đến nay trong nhân dân vẫn còn lưu truyền :

*"Một hào là chín, mười thùng*

*Mẹ em chết đói vì chưng không tiền".*

(2) Dẫn từ: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. T.1-NXB Sự thật Hà Nội - 1981. tr. 55.

ngĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Năm 1925, Người thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội tại Quảng Châu (Trung Quốc), xuất bản báo “*Thanh Niên*” và viết cuốn “*Đường Cách Mệnh*” để làm tài liệu tuyên truyền và tài liệu huấn luyện cách mạng. Đến 1927-1929, tổ chức này đã có nhiều cơ sở, chi hội ở Nam Định, Hà Nam. Đồng chí Vũ Khế Bật<sup>(1)</sup>, cán bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội tỉnh Nam Định đã về tuyên truyền, giác ngộ, xây dựng cơ sở ở làng Đồng Vũ (Thọ Ích - nay thuộc xã Đạo Lý) từ giữa năm 1929.

Từ chi hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đầu tiên của tỉnh tại Lũng Xuyên (1927) đã nhanh chóng phát triển cơ sở ở thôn Mạc Thượng, Dũng Kim (nay thuộc xã Chính Lý) tháng 9-1929. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đã có chỗ đứng chân và bắt đầu đi vào hoạt động ở một số thôn xóm. Đây thực sự là những cơ sở vững chắc gieo mầm, nuôi dưỡng phong trào cách mạng.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) với đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn, trở thành động lực tập hợp lực lượng quần chúng trong cao trào cách mạng (1930 - 1931) với đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Các phong trào cách mạng của công nhân Nam Định, nông dân Tiền Hải (Thái Bình), cuộc mít tinh tuần hành ở Bồ Đề (Bình Lục) có một số công nhân, học sinh, nông dân của Lý Nhân tham gia. Cùng với bài thơ nổi tiếng: “Chiêu hồn nước” của người thanh niên

---

(1) Đ/c Vũ Khế Bật - Quê thôn Nhân Nhuế, huyện Mỹ Lộc - Nam Định.



yêu nước Phạm Tất.Đắc (làng Dũng Kim). Tất cả những nhân tố đó đã tác động sâu sắc đến ý chí, tình cảm của nhân dân, thức tỉnh ý thức dân tộc, thổi bùng ngọn lửa yêu nước sẵn có trong tâm hồn người lao động.

Chính trong điều kiện ấy, Đảng bộ Lý Nhân ra đời và bước ngay vào cuộc đấu tranh quyết liệt với quân thù.

Từ những quần chúng ưu tú trong tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội được xây dựng năm 1929, đến tháng 9-1930, đồng chí Vũ Khê Bật cùng đồng chí Lê Công Thanh là Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam về chính thức thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại làng Đồng Vũ (xã Thọ Ích) gồm có 3 đảng viên : đồng chí Thái Văn Tố (tức Cổ Văn); đồng chí Thái Huy Quỳnh (tức Châu, Thị) và đồng chí Thái Văn Khuê.

Đến tháng 12-1930, chi bộ phát triển thêm 2 đảng viên <sup>(1)</sup> đưa tổng số đảng viên của chi bộ lên 5 đồng chí. Đồng chí Thái Huy Quỳnh được cử làm Bí thư chi bộ.

Ở khu vực đầu huyện, được đồng chí Nguyễn Văn Trạc (Lũng Xuyên - Duy Tiên) sang móc nối, gây cơ sở, bồi dưỡng kết nạp đồng chí Phạm Đức Khoan ở thôn Dũng Kim, đồng chí Nguyễn Đức Nghi ở thôn Mạc Thượng vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 9-1930. Tháng 10-1930, đồng chí Phạm Văn Tô (Duy Tiên) đã về kết nạp thêm đồng chí Phạm Văn Thảo (Dũng Kim), Trần Văn Tĩnh (Mạc Thượng) và công nhận việc thành lập chi bộ Dũng Kim - Mạc Thượng. Chi bộ được mang tên là chi bộ Thảo Bốc với 4 đảng viên do đồng chí Phạm Đức Khoan làm Bí thư chi bộ.

---

(1) Là đồng chí Thái Văn Tấn, Lương Văn Sàng.

Tháng 12-1930, đồng chí Lê Công Thanh về thôn Thư Lâu kết nạp 4 đảng viên mới, sinh hoạt chung với chi bộ Thảo Bốc <sup>(1)</sup>. Tháng 1-1931, Tỉnh ủy đã phân công đồng chí Vũ Uyển - Tỉnh ủy viên phụ trách phong trào Lý Nhân và quyết định thành lập Ban chấp hành Huyện bộ Lý Nhân gồm 3 đồng chí <sup>(2)</sup>; đồng chí Phạm Đức Khoan được phân công lãnh đạo chung và phụ trách miền đầu huyện, đồng chí Thái Huy Quỳnh phụ trách các xã giữa huyện.

Từ đây phong trào cách mạng của Lý Nhân đã có bộ tham mưu lãnh đạo, đưa sự nghiệp cách mạng của huyện hòa nhịp chung với cách mạng cả nước.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất <sup>(3)</sup>, việc chấp lối, gây cơ sở cách mạng được Huyện bộ quan tâm, chỉ đạo thống nhất trong toàn huyện.

Cuối năm 1931, từ chi bộ Đông Du (Bình Lục), đồng chí Trần Văn Tâm, sang tuyên truyền gây cơ sở ở thôn Nhân Giả (Nhân Khang ngày nay) đã bồi dưỡng và giới thiệu kết nạp đồng chí Trần Văn Chập (tức giáo Chập), Trần Văn Tịnh vào Đảng, sinh hoạt ghép với chi bộ Đông Du. Một thời gian sau, hai quần chúng ưu tú lại được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng <sup>(4)</sup>. Lúc này

---

(1) Gồm đồng chí Nguyễn Văn Ưông (tức Vượng), Đỗ Văn Thiệu, Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Văn Mai.

Theo tài liệu của Xứ ủy Bắc kỳ năm 1931.

(2) Đồng chí Phạm Đức Khoan, Nguyễn Đức Nghi, Thái Huy Quỳnh

(3) Họp 1-1931 tại Lũng Xuyên; đồng chí Thái Huy Quỳnh đi dự, Hội nghị đã bầu BCH Đảng bộ tỉnh gồm 7 đồng chí chính thức.

(4) Đồng chí Trần Văn Đình, Trần Văn Hiếu.

các đồng chí ở Nhân Giả được tách khỏi chi bộ Đồng Du thành lập chi bộ riêng có 4 đảng viên. Năm bắt được tình hình, đồng chí Thái Huy Quỳnh đã liên lạc với chi bộ Nhân Giả và thống nhất sự lãnh đạo của Huyện bộ.

Cùng thời gian này, chi bộ Thọ Ích phát triển thêm 2 đảng viên <sup>(1)</sup>, chi bộ Thảo Bốc phát triển thêm 1 đảng viên <sup>(2)</sup>, đưa tổng số đảng viên toàn huyện đến cuối năm 1931 lên 20 đồng chí hoạt động ở các làng Đồng Vũ, (Thọ Ích), Dũng Kim, Mạc Thượng, Thư Lâu, Nhân Giả.

Ở phía Nam huyện, có đồng chí Trần Doãn Sách (giáo Sách) <sup>(3)</sup> hoạt động phong trào học sinh đở ở Hà Nội, bị lộ đã về quê (xã Lý Nhân) mở trường dạy học. Đến tháng 8-1930 bị mật thám Hà Nội về bắt. Tháng 4-1931, đồng chí bị đưa về quản thúc ở quê. Mặc dù không liên lạc được với Đảng bộ huyện nhưng đồng chí đã đi vào tuyên truyền, vận động, giác ngộ tư tưởng cách mạng ngay trong bà con, họ hàng của mình, sau đó mở rộng sang nhiều quần chúng ở xã Lý Nhân. Bước đầu hướng phong trào quần chúng ở vùng này hòa cùng với phong trào của toàn huyện.

Như vậy, từ những cơ sở đầu tiên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội được nhen nhóm từ 1929, khi có sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm chỉ đạo của

---

(1) Gồm đồng chí Trần Văn Mùa, đồng chí Trần Văn Vòi (Đồng Mạ)

(2) Gồm đồng chí Đỗ Văn Thông (ở Mạc Thượng).

(3) Đồng chí Trần Doãn Sách : Học sinh ở Hà Nội, hoạt động trong tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội từ năm 1927, năm 1930 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hà Nội.

Tỉnh ủy, được giác ngộ, những quần chúng tiến bộ đã sớm được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Từ 3 nguồn phát triển, Đảng bộ Lý Nhân được thành lập và thống nhất vào một mối với 3 chi bộ. Số lượng đảng viên chưa nhiều, nhưng đã nhanh chóng trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng của huyện.

Đảng bộ Lý Nhân ra đời giữa tiếng trống vang dội của nông dân Bồ Đề (Bình Lục), nông dân Tiên Hải - Thái Bình (10-1930). Giữa lúc cao trào cách mạng 1930 - 1931 đang sôi sục trong cả nước với đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh (9-1930). Nhiệm vụ cách mạng đặt ra cho Đảng bộ thật nặng nề : Vừa xây dựng cơ sở, nâng cao trình độ, ý thức trách nhiệm, ý thức giác ngộ cho cán bộ, đảng viên vừa phải chú trọng xây dựng các cơ sở, các tổ chức quần chúng, nhanh chóng đưa đảng viên và quần chúng cách mạng ra đấu tranh với kẻ thù, về kinh tế, chính trị dưới nhiều hình thức nhằm tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đảng, khuếch trương uy tín của Đảng trong quần chúng.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đảng bộ đã phân công từng đảng viên đi vào tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng trong nhân dân với nội dung chủ yếu là kêu gọi nguồn gốc cực khổ, đói nghèo, nỗi tủi nhục của người dân nô lệ. Chỉ rõ phương hướng cách mạng vô sản, nội dung của cách mạng dân chủ và cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đổ giai cấp phong kiến, thực hiện người cày có ruộng. Giới thiệu tương lai tươi sáng của chế độ Xô Viết : Đem lại hòa bình, ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người; kêu gọi quần chúng đấu tranh chống áp bức bóc lột, sưu cao, thuế nặng. Hình thức tuyên truyền gồm có tuyên truyền miệng, rải truyền đơn, treo cờ Đảng.

Trong hai năm 1930 - 1931, Đảng bộ đã tổ chức được 9 cuộc rải truyền đơn vào các ngày kỷ niệm lớn như : Ngày Quốc tế lao động (1-5); ngày kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga thành công (7-11). Chi bộ Thọ Ích đã phân công đảng viên rải truyền đơn ở đình Văn An, đình Đông Lâu trong khi nhân dân đang xem hát chèo. Ở Dũng Kim, Mạc Thượng, các đồng chí đảng viên chi bộ Thảo Bốc đã tổ chức đi rải truyền đơn trong các hàng cơm ngay sát cổng huyện lỵ Nga Khê. Các đảng viên ở Mạc Hạ, Nhân Giả đã bí mật đến rải truyền đơn trong các dịp hội đèn Trần Thương (Nhân Đạo), đèn Lảnh Trì (Duy Tiên), ở chợ Giá (Nhân Giả), chợ Phúc, chợ Cầu Không...

Ngoài việc rải truyền đơn, thời gian này Đảng bộ đã tổ chức nhiều lượt treo cờ ở khắp các xã như : Giữa đầm sen ở Tả Hà, cây gạo ở Quan Trung, cây đa Trịnh Hạ, cây gạo Quán Cũ, cây đa xóm 1 Thư Lang, cây gạo Cầu Không, cây đa Quán Ngói - thôn Mái, cây gạo Tế Cát, cây đa Đồng Nhuệ (Xuân Khê). Đặc biệt là đã tổ chức treo cờ trên cột dây thép ở đường 63 lối ra bến đò Cánh Diêm của các đảng viên ở Mạc Hạ.

Các cuộc treo cờ Đảng và rải truyền đơn ở nhiều nơi đã góp phần đưa tiếng nói của Đảng đến với nhân dân, làm cho uy tín của Đảng có ảnh hưởng rộng rãi trong quần chúng. Đó cũng chính là ngọn cờ để Đảng bộ tập hợp các tầng lớp nhân dân xung quanh mình.

Đi đôi với việc mở rộng công tác tuyên truyền, Đảng bộ đã chú ý xây dựng các tổ chức quần chúng, với một số hội công khai hợp pháp : Hội Đoàn thiện ở Dũng Kim, Mạc Thượng, hội Tương tế Ái hữu ở Thọ Ích, Vũ Xá, Nhân Giả, hội May áo ở Thư Lâu... có nhiều hội

viên tham gia. Thông qua các tổ chức này Đảng bộ đã lôi cuốn, thu hút, tập hợp quần chúng để tuyên truyền cách mạng, xây dựng cho họ ý thức đoàn kết, tương trợ, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống. Từng bước tập dượt về phương pháp đấu tranh cách mạng. Trên cơ sở đó, lựa chọn những người thực sự có tinh thần hăng hái cách mạng đưa vào Nông hội đỏ, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng ở cơ sở. Đến cuối năm 1931, tổ chức Nông hội đỏ của huyện đã có 68 hội viên ở các làng : Phúc, Dũng Kim, Mạc Thượng, Thọ Ích, Thư Lâu, Lục Tinh, Vũ Xá, làng Mái, Mạc Hạ...

Từ việc tuyên truyền, gây ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân, xây dựng các tổ chức quần chúng. Đảng bộ đã đưa quần chúng bước vào cuộc đấu tranh cách mạng. Từ đấu tranh hợp pháp đến bất hợp pháp, từ chống các hủ tục lạc hậu ở thôn quê, chia mũi nhọn đấu tranh vào cường hào, tay sai ở nông thôn đến đấu tranh về kinh tế như chống sưu cao, thuế nặng. Đảng bộ đã đưa quần chúng tiến lên những bước đấu tranh có tính chất chính trị : Tối ngày 15-8 âm lịch tức 6-10-1930 ở Mạc Thượng, lợi dụng đám rước đuốc của học sinh trong đêm Trung thu, Đảng bộ đã huy động lực lượng quần chúng tham gia, biến cuộc rước đuốc thành cuộc biểu tình. Quần chúng hô vang khẩu hiệu : “đả đảo Phó lý Canh” một tên cường hào gian ác ở vùng này. Do vậy, đoàn di đến đâu cũng được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh và tham gia đoàn biểu tình ngày càng đông, kéo dài hàng cây số, biểu dương lực lượng quanh xã từ 19 giờ đến 22 giờ đêm.

Mặc dù nội dung, chủ đề của cuộc biểu tình chỉ chia mũi nhọn đấu tranh vào một tên cường hào gian ác,



nhưng Đảng bộ đã đạt được mục đích của cuộc biểu tình là : Tranh thủ tập hợp quần chúng, biểu dương sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, đồng thời phát động phong trào quần chúng đứng lên chống những tên tay sai của đế quốc ở địa phương. Đó cũng là cuộc tập dượt cho quần chúng tham gia vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng một cách hợp pháp, buộc địch phải nhượng bộ, không dám đàn áp.

Cuối tháng 10-1930, để biểu thị sự ủng hộ phong trào cách mạng của nông dân huyện Tiên Hải (Thái Bình) Đảng bộ đã tổ chức lễ truy điệu 8 nông dân tham gia biểu tình bị đàn áp dã man. Các cán bộ, đảng viên được phân công chuẩn bị cho buổi lễ như cắt dây thép, phá đường dây điện thoại của địch, treo cờ đỏ lên cột dây thép ở bến đò Cánh Diềm. Nhiều quần chúng cách mạng được tập hợp đến cánh bãi (Mạc Hạ), nghe diễn thuyết về tinh thần đấu tranh bất khuất của 700 nông dân 3 làng : Nho Lâm, Thanh Giám, Đông Cao (Tiên Hải) tại huyện lỵ đòi giảm sưu, giảm thuế... bị địch đàn áp. Sự hy sinh của họ đã kích động mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân lòng căm thù đế quốc và tay sai. Đồng thời biểu thị tinh thần ủng hộ công nông Nghệ Tĩnh, ủng hộ Liên bang Xô - Việt, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã làm cách mạng thành công. Anh Trần Văn Mô (Mạc Hạ) đã đọc bài viếng xúc động "Than ôi ! Tám anh em ở tỉnh Thái Bình, vì nước quên mình, tám anh em đã hồn về chín tuổi, linh hồn tám anh em có khôn thiêng thì phù hộ cho anh em Nga - Xô thành công muôn năm...".

Buổi lễ truy điệu được tổ chức thành công, an toàn để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong tâm hồn những người dự. Một lần nữa, họ được nghe, được thấy, được hiểu

thêm về cách mạng, về cuộc đấu tranh một mất, một còn với kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai, để giành lấy quyền sống, giành lấy độc lập, tự do. Được đông đảo nhân dân hưởng ứng, buổi lễ truy điệu nhanh chóng trở thành buổi diễn thuyết tố cáo tội ác của bọn cường hào, tay sai, của đế quốc, vạch trần chính sách vơ vét tàn bạo của thực dân Pháp và bè lũ tay sai, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh chống lại chế độ hà khắc đó. Buổi diễn thuyết đã đánh một đòn tâm lý vào bọn tổng lý địa phương, chúng hoang mang, vội báo cho tên tri phủ Lý Nhân, hấn lệnh cho lính về kéo cờ xuống, nối lại đường dây điện thoại, tiến hành tra hỏi, dọa nạt nhân dân ở vùng này, nhưng không kết quả.

Nhận thấy sự hoạt động và vai trò của Đảng bộ, thực dân Pháp ráo riết cho mật thám, chỉ điểm về năm vùng, dò xét, chuẩn bị cho những cuộc vây ráp, càn quét, phá hoại phong trào cách mạng của huyện.

Tóm lại, khi có ánh sáng của Đảng đưa đường, dẫn lối, Đảng bộ Lý Nhân từng bước trưởng thành, từ một vài cơ sở ban đầu, đã đi vào xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng công khai, bán công khai, đưa đảng viên và quần chúng vào những hoạt động cách mạng từ thấp lên cao ở các làng phía bắc huyện và giữa huyện. Tập dượt cho quần chúng về phương pháp đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng yêu nước, yêu quê hương, căm thù chế độ phong kiến - thực dân. Các mặt công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục, thu phục quần chúng bước vào cuộc đấu tranh cách mạng được chỉ đạo và kết hợp chặt chẽ. Do vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Đảng bộ đã đưa phong trào của huyện hòa nhịp với phong trào cách mạng của khu vực và đã nâng lên một bước ý thức cách mạng trong nhân dân lao động.

Trong những ngày đầu cách mạng, nhìn chung cán bộ, đảng viên đều tích cực công tác, nhưng công việc mới mẻ, lại chưa được qua thử thách. Mặt khác, việc rèn luyện tính tiên phong gương mẫu cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, thiếu chu đáo, cho nên còn một số đảng viên thiếu nhiệt huyết cách mạng, hoạt động kém hoặc ít hoạt động. Nội dung công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng còn đơn điệu, nghèo nàn, chậm đổi mới hình thức tuyên truyền. Một số hoạt động chưa bảo đảm tính bảo mật còn nhiều sơ hở để kẻ thù phát hiện, tìm cách phá hoại <sup>(1)</sup>. Đảng bộ chưa đề ra được kế hoạch cụ thể để phát triển tổ chức Đảng, cơ sở quần chúng ở các xã trong toàn huyện.

Do không liên lạc được với Đảng bộ huyện, cho nên đồng chí Sách mới chỉ bó hẹp trong phạm vi hoạt động của 5 ngành họ Trần xã Lý Nhân (gần 200 xuất đình) dưới hình thức tuyên truyền chống phụ thu lạm bổ, chống hủ tục lạc hậu ở thôn quê.

Sau những hoạt động liên tiếp ở nhiều nơi của Đảng bộ trong các năm 1930 - 1931, thực dân Pháp cho tay sai ra sức lùng sục, vây ráp, chống phá. Chúng đốc thúc bọn quan lại, tổng lý, cường hào tổ chức việc tuần tra, canh gác cẩn mật hơn, tiến hành hiệu dụ rồi dung dọ quần chúng. Bố trí mạng lưới mật thám, chỉ điểm dò xét những nơi có hoạt động cách mạng.

---

(1) Tại đám khao nhà Chánh hội Thản ở thôn Dũng Kim, là cơ sở cách mạng, có một số đồng chí cán bộ tỉnh, huyện đến dự và tranh thủ họp, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy sơ ý để lộ súng ngắn làm một số người nhìn thấy, sau cơ sở này bị địch theo dõi, vây quét gây khó khăn cho phong trào.

Từ đầu năm 1932, cùng với phong trào cách mạng trong cả nước, phong trào cách mạng của huyện bị địch khủng bố liên tiếp.

Ngày 6-2-1932, chúng vây bắt đồng chí Nguyễn Thị Ty, cán bộ của Tỉnh ủy Hà Nam về hoạt động ở xã Mạc Thượng. Tại huyện lỵ đồng chí Ty đã hiên ngang vạch mặt kẻ thù, kể tội bán nước, hại dân của bọn tay sai trước mặt tên tri huyện. Không khai thác được gì, chúng phải giải đồng chí về Hà Nam và kết án tù 10 năm khổ sai.

Tháng 3-1932, tên tri phủ Chiêu dẫn lính về cùng tên lý trưởng Đốc ở xã Thọ Ích, phục kích, vây bắt đồng chí Thái Văn Tấn, Thái Văn Khuê và ông đồ Tràng ở làng Đồng Mụa, nhưng không bắt được tài liệu gì để làm tang chứng. Chúng tra khảo, đánh đập ông đồ Tràng thành thương tật, tra tấn dã man đồng chí Tấn, đồng chí Khuê nhưng họ vẫn giữ vững khí tiết cách mạng.

Ngày 18-3-1932, mật thám Nam Định cùng lính ở Phủ Lý về vây bắt đồng chí Phạm Đức Khoan, Bí thư Huyện ủy ở Dũng Kim và đồng chí Nguyễn Đức Nghi ở thôn Mạc Thượng, đồng chí Nguyễn Văn Uông và một số quần chúng cách mạng trong hội May áo ở Thư Lâu đưa về giam ở Hà Nam. Bị tra tấn, đánh đập tàn bạo, nhưng các đảng viên và quần chúng vẫn giữ vững tinh thần, không để lộ bí mật cách mạng. Trước các thủ đoạn tra tấn của kẻ thù, đồng chí Khoan đã nêu gương sáng về phẩm chất anh hùng cách mạng, đồng chí đã anh dũng hy sinh để bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân.

Đến cuối năm 1932, chúng lại về vây bắt đồng chí Trần Văn Tĩnh cùng một số quần chúng ở Mạc Thượng giải về nhà giam Hà Nam tra khảo nhưng đều vô ích.

Chính tấm lòng trung kiên, dám hy sinh thân mình vì sự nghiệp cách mạng, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của cách mạng của đồng chí Phạm Đức Khoan và một số đồng chí khác đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Do vậy, dù địch điên cuồng khủng bố, ráo riết lùng sục vây bắt cán bộ và những quần chúng bị nghi ngờ là cách mạng, hoặc có liên quan với cách mạng, tra khảo đánh đập nhưng họ không hề nao núng, một số cơ sở cách mạng còn lại của huyện vẫn được nhân dân nuôi giấu, bảo vệ, chờ thời cơ tiếp tục hoạt động.

Trong 2 năm 1933 - 1934, phong trào cách mạng ở Lý Nhân nói riêng và toàn tỉnh nói chung tiếp tục bị kẻ thù khủng bố, đàn áp dã man. Không còn cơ quan lãnh đạo, cũng không liên lạc được với cấp trên trong khi mật thám, chỉ điểm rình mò khắp nơi, cho nên phong trào tạm thời lắng xuống.

Trong những ngày đầu “trúng nước”, lại hoạt động trong điều kiện bí mật, tuy còn một số hạn chế, cần phải rút kinh nghiệm. Song những thành quả mà Đảng bộ thu được thật đáng tự hào : Đã xây dựng được những cơ sở cách mạng đáng tin cậy, đã thổi một luồng gió mới vào lòng tự tôn dân tộc, làm thay đổi nếp nghĩ của các tầng lớp nhân dân và thôi thúc họ sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, vì họ đã có niềm tin vào tương lai dân tộc, tin tưởng vào sự dìu dắt, lãnh đạo của Đảng sẽ đưa cách mạng đến bờ thắng lợi.

Tuy không có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, nhưng một số đảng viên vẫn tự duy trì hoạt động, chấp nối, xây dựng lại phong trào như ở Nhân. Giả, nam Lý Nhân, Mạc Thượng, Dững Kim...

Ở các xã phía Nam huyện, từ trường học của đồng chí Trần Doãn Sách, hầu hết phụ huynh và học sinh đều được tuyên truyền, giác ngộ về lòng yêu nước, thương nòi, hiểu rõ nguồn gốc của nỗi khổ cực. Đồng chí Sách đã hướng cuộc đấu tranh của nông dân từng bước mềm dẻo, có tình có lý, đạt kết quả: Đến vụ thuế các tộc biểu ở thôn Lý Nhân đã đứng ra vận động các gia đình nộp thuế chính tang cho tộc biểu, rồi đưa thẳng lên nộp cho tri huyện. Tên tri huyện buộc phải nhận, bọn cường hào, hương lý vẫn phải phát thẻ cho dân đình. Thắng lợi của nhân dân thôn Lý Nhân đã lan rộng ra các xã cuối huyện và mở ra phong trào chống phụ thu, lạm bổ của cường hào, lý dịch ở cả vùng cho đến thời kỳ Mặt trận dân chủ. Thắng lợi trên cũng mở đầu cho thời kỳ phong trào cách mạng của huyện được khôi phục, bắt nhịp với phong trào chung của cả nước.

Sau khi phục hồi cơ sở (1934 - 1935) thực hiện Nghị quyết BCH Trung ương tháng 7 - 1936, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành chấp nôi, gây dựng lại các cơ sở quần chúng, đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, các hoạt động công khai, bán công khai xuống cơ sở. Tuy chưa liên lạc được với cấp trên, nhưng một số đảng viên và quần chúng cách mạng đã thông qua các sách báo công khai, hiểu được chủ trương của Đảng, mục tiêu trực tiếp của cách mạng là tập trung lực lượng cách mạng, chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Từ đó các đồng chí đảng viên còn lại của các chi bộ đã tiến hành tập hợp quần chúng trong các tổ chức công khai, hợp pháp để hoạt động ở từng khu vực trong huyện.

Cuối 1936, đồng chí Nguyễn Văn Bảy, quê ở xã Hưng Công (Bình Lục) là Tỉnh ủy viên tỉnh Hà Nam bị địch

bắt năm 1931, khi ra khỏi nhà tù đế quốc, về bắt liên lạc với các đảng viên ở Nhân Giả. Ở đây, các đồng chí đã vận động quần chúng thành lập tổ chức: "Hội hiếu binh dân" do đồng chí Trần Văn Chập, Trần Văn Tịnh lãnh đạo. Với nhiều hình thức hoạt động phong phú, dần dần hội đã thu hút được 50 hội viên gồm thanh niên, phụ nữ được giác ngộ ở thôn Nhân Giả. Mỗi hội viên đóng góp 5 xu/1 tháng để làm hội phí, dùng mua sách báo như "Tân xã hội", "Nhành lúa", "Thời mới", "Đời nay"... Hội chia thành từng nhóm tổ chức sinh hoạt, đọc báo, thông qua đó mà giáo dục, giác ngộ ý thức cách mạng cho họ, đồng thời phê phán tệ tham nhũng của quan lại, kỳ hào, các hủ tục của xã hội cùng những thói hư tật xấu cần xóa bỏ. Bên ngoài, đây là một hội hiếu nhằm giúp đỡ nhau trong đời sống, khi gia đình có việc tang lễ, cưới xin giảm bớt tục lệ phiền hà. Hội hoạt động công khai trước sự bất lực của chính quyền tay sai.

Ở xã Thọ Ích, đồng chí Thái Văn Tố từ Thái Nguyên về cùng đồng chí Thái Huy Quỳnh mới được trả tự do cùng gây lại cơ sở ở các làng Trương Xá, Đồng Mạ, Vũ Điện. Ở Dũng Kim, Mạc Thượng, đồng chí Quỳnh về liên lạc với đồng chí Nguyễn Đức Nghi, Trần Văn Tịnh, Nguyễn Văn Thản để phục hồi lại cơ sở. Từ đó, tổ chức ra Hội nông dân dân chủ gồm 20 hội viên ở các làng Dũng Kim, Mạc Thượng, Mạc Hạ, Vũ Điện, Trương Xá...

Trên cơ sở những thanh niên học sinh được giác ngộ, đồng chí Trần Doãn Sách dẫn hướng họ vào các hoạt động thể thao, văn nghệ; xây dựng các đội bóng đá, dần tiến lên tổ chức các nhóm thanh niên dân chủ, Đoàn thanh niên dân chủ ở các xã Lý Nhân, Phú Cốc, Đồng

Thủy, Thanh Nga gồm 15 đoàn viên chính thức và nhiều thanh niên ưu tú được bồi dưỡng để kết nạp vào Đoàn. Đó là lực lượng chính để hướng dẫn, dìu dắt quần chúng tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng đòi quyền lợi thiết thân hàng ngày, đòi dân sinh, dân chủ, chống áp bức bất công, bài trừ hủ tục, phát triển truyền bá quốc ngữ.

Mở đầu cho phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở thời kỳ này là cuộc đấu tranh chống Hội đồng cải lương hương chính ở Mạc Thượng.

Cũng như các nơi khác, ở Mạc Thượng thực dân Pháp lập ra tổ chức “Hội đồng cải lương hương chính” hình thức bên ngoài là để cải cách xã hội nông thôn mang màu sắc dân chủ, nhưng thực chất là nhằm củng cố quyền lực bộ máy thống trị của chúng ở thôn quê, bản cùng hóa nhân dân lao động, tạo điều kiện cho bọn tổng lý, tay sai dễ bề đục khoét, bòn rút của người nông dân. Chúng đặt ra nhiều lệ ngặt sách nhiễu nhân dân: Nam giới đến 55 tuổi phải làm lễ lên lão, góp tiền làm đình, chia phe, giáp, mua bán chức vị, buộc những người có máu mặt phải bỏ tiền ra mua lấy 1 chức, tước và khao vọng để có danh vị trong thôn xã. Đặt ra lệ bắt nhà có người chết phải mời làng ăn uống để trả nghĩa (gọi là đám ma tươi). Đến khi cải mả cũng phải mời làng ăn uống (đám ma khô). Lập lệ đầu dâu, nhà có con lấy vợ, lấy chồng phải biếu chè, lễ cho hương lý và nộp treo bằng tiền mới cho lễ cưới... Đồng chí Thái Huy Quỳnh cùng các đồng chí ở Mạc Thượng vận động các tộc biểu (đại diện cho 1 họ) bị lép vế, cùng dân đình làm đơn lấy chữ ký của nhiều người, rồi cử đại biểu đi đấu tranh với tri huyện đòi bỏ các hủ tục trên. Cuộc đấu tranh kéo dài hàng năm từ huyện lên tỉnh. Mặc dù bọn thống trị ra sức bênh vực



cho tay chân của chúng, nhưng trước sức mạnh đấu tranh, lòng kiên trì của nhân dân buộc tên thống sứ Bắc Kỳ phải lệnh cho tri huyện phế bỏ một số tên trong Hội đồng cải lương ở xã Mạc Thượng. Trong quá trình đấu tranh, nhân dân nhận thức sâu sắc rằng: Đoàn kết để đấu tranh là sức mạnh to lớn để xóa bỏ áp bức, bóc lột. Cuộc đấu tranh thắng lợi, cổ vũ tinh thần của quần chúng nhân dân, củng cố niềm tin và nâng cao khí thế chống đế quốc, phong kiến.

Năm 1936, khi Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền đã cử Gô-đa, đại diện chính phủ Pháp sang xem xét tình hình Đông Dương. Qua sách báo công khai, hiểu được chủ trương của Đảng là lợi dụng Gô-đa và đoàn điều tra của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp mà tập hợp quần chúng, yêu cầu thực hiện những cải cách dân chủ, đồng chí Trần Doãn Sách, cùng các anh Trần Văn Hường ở xã Phú Cốc, Trần Trọng Thảo ở xã Đồng Thủy đã lãnh đạo tổ chức Đoàn thanh niên dân chủ ở khu vực này làm đơn tố cáo chế độ cai trị của thực dân Pháp, vạch trần chính sách sưu thuế nặng nề, bắt dân uống rượu Phong-ten, cùng những thủ đoạn bóc lột hà khắc ở nông thôn, yêu cầu phải cải thiện đời sống cho dân, đòi tự do dân chủ. Đoàn thanh niên đã cử đoàn viên của mình đi giải thích chủ trương, lấy chữ ký của nhân dân từ xã Đồng Thủy, qua xã Lý Nhân, Phú Cốc đến Phương Trà được hơn 200 người hưởng ứng. Đồng chí Sách được cử đi Hà Nội đến gặp Gô-đa để trao bản kiến nghị. Nhưng tên Chánh sứ tìm mọi cách ngăn cản. Trước cửa dinh Thống sứ, thấy xe của tên Toàn quyền đi ra, đồng chí Sách đã ngăn xe lại để trao bản kiến nghị, liền bị chúng bắt giữ để tra khảo, nhưng cuối cùng vẫn phải trả lại tự do cho đồng chí.

Cuộc vận động ký đơn dân nguyện thực chất là một cuộc vận động chính trị rộng rãi trong quần chúng, nhằm tố cáo tội ác của bọn thực dân, phong kiến. Qua đó, làm cho quần chúng thấy rõ bộ mặt thật của bọn cướp nước và bè lũ tay sai của chúng. Tuy những yêu sách không được kẻ thù chấp nhận, nhưng cuộc vận động này thực sự là một đòn cảnh cáo đối với bọn quan lại, cường hào ở địa phương.

Năm 1936, mức thuế chính tang của thực dân Pháp quy định là 2đ50/suất đình và 1đ50/1 suất thuế điền thổ. Ở xã Lý Nhân, bọn hương lý đã đặt ra các khoản phải thu phụ lên tới 2 đồng nữa, cộng một suất đình phải nộp cả sưu, thuế tới 6 đồng. Bất bình trước thủ đoạn ức hiếp dân đen, đồng chí Sách đã cùng anh em trong Đoàn thanh niên dân chủ vận động quần chúng đấu tranh phá bỏ những quy định bóc lột vô lý đó. Một mặt làm cho quần chúng thấy rõ thủ đoạn của bọn hương lý, mặt khác cử người đứng ra thu thuế đem nộp thẳng lên huyện, đồng thời chỉ cho tên tri huyện rõ những thủ đoạn lợi dụng thuế khóa để bóc lột nhân dân của tay chân của chúng ở các làng xã, buộc hẳn phải gọi lý dịch xã Lý Nhân lên huấn thị và lệnh chỉ được thu thuế chính tang là 4 đồng 1 suất. Cuộc đấu tranh thắng lợi đã nhanh chóng lan sang các xã Phú Cốc, Đồng Thủy, Thanh Nga, Do Đạo trong 2 vụ thuế 1937 - 1938. Hương lý các xã buộc phải nhượng bộ trước sức mạnh đoàn kết đấu tranh không khoan nhượng của nhân dân.

Tháng 3 năm 1937, tên tri phủ Lý Nhân trực tiếp về đền Ba Thôn, xã Lý Nhân để hiểu dụ dân chúng và ra lệnh cho mỗi suất đình phải tiêu thụ 5 lít rượu Phong-ten/tháng. Đoàn thanh niên dân chủ ở đây đã biến buổi hiểu dụ thành buổi diễn thuyết, đồng chí Sách đã lớn tiếng tố cáo tội ác bần cùng hóa nhân dân của đế quốc,

phong kiến, tay sai, phản đối chính sách đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện. Bản án danh thếp đó có sức lôi cuốn đông đảo nhân dân, buộc tên tri phủ phải im lặng và rút bỏ lệnh cưỡng ép vô lý đó.

Tháng 3 năm 1938, một lần nữa, bọn hương lý ở xã Lý Nhân bị quần chúng đấu tranh buộc phải chia, cấp lại ruộng công điền cho công bằng, vì chúng dùng quyền thế chiếm công vi tư, đem cố, bán ruộng của hoàng đình lấy tiền chè, chén. Được tổ chức thanh niên dân chủ làm nòng cốt, nhân dân đấu tranh thắng lợi, buộc bọn chúng phải trả 30 mẫu ruộng đã lậu chiếm trước đây. Từ đó, phong trào đấu tranh đòi chia, cấp lại công điền, chống chiếm đoạt ruộng đất công lan ra nhiều xã cuối huyện.

Cuộc đấu tranh của nông dân 2 tổng Đồng Thủy, Cao Đà tháng 3 - 1939 đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Đồng chí Sách cùng các anh Trần Văn Hùng, Trần Trọng Thảo cùng các tộc biểu đấu tranh chống bọn quan lại thông đồng với chủ thầu khoán bớt tiền công đắp đoạn đê Phương Trà, trả công thấp hoặc quỵt công đắp đê <sup>(1)</sup>. Đúng ngày tên tri phủ Lý Nhân về kiểm tra đê, anh em thanh niên vận động dân đình, kéo đến nêu yêu sách phải công khai giá công và phải thanh toán sòng phẳng ngay sau khi làm xong. Một số người bị chúng bắt để uy hiếp tinh thần. Nhân dân phần nộ bỏ về không làm nữa. Thấy không thể dung dọ được, chúng phải nhượng bộ, thực hiện một phần yêu sách và thả những người bị bắt.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), phong trào cách mạng ở Lý Nhân được mở rộng,

---

(1) Giá: 3 hào/m<sup>3</sup> công nhưng chỉ được trả 1 hào/m<sup>3</sup>.

với nhiều tầng lớp tham gia ở nhiều nơi trong huyện. Những đảng viên và quần chúng được đào tạo cao trào cách mạng 1930 - 1931, tuy không có cơ quan Huyện ủy, cũng không liên lạc được với Tỉnh ủy, nhưng thông qua sách báo công khai, hiểu được phần nào chủ trương của Đảng, ở từng địa phương, các đồng chí đã lợi dụng tình hình cụ thể để hoạt động hợp pháp. Đã vận động, tập hợp được đông đảo quần chúng, đưa họ bước vào các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế, chính trị. Các cuộc đấu tranh đều chia mũi nhọn vào bọn phản động thuộc địa và tay sai, hướng tới tập hợp quần chúng trong các tổ chức theo hình thức của Mặt trận dân chủ rộng rãi theo sự chỉ đạo của Trung ương. Qua đó, đã xây dựng được một đội quân chính trị hùng hậu, được thử thách, được tập dượt đấu tranh, chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Tuy vậy, nhược điểm chính của phong trào cách mạng của huyện trong thời kỳ này là thiếu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp trên. Do đó hoạt động của phong trào thiếu sự thống nhất, không được tổ chức chặt chẽ cả về xây dựng lực lượng và hành động. Tổ chức Đảng không được củng cố, đảng viên tự hoạt động là chính. Những nơi còn đảng viên cũ cũng không có tổ chức để sinh hoạt, cho nên không có công tác phát triển Đảng. Khi bị địch khủng bố, cơ sở cách mạng thiếu chỗ dựa, dễ tan vỡ, quần chúng mất phương hướng hoạt động.

### **III - XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ, VŨ TRANG, CHUẨN BỊ GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939 - 1945)**

Khi chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ (9 - 1939), Pháp là nước tham chiến, cho nên Đông Dương cũng bị

đẩy sâu vào vòng khói lửa. Ở Việt Nam, thực dân Pháp thi hành chính sách kinh tế thời chiến, tận lực vơ vét sức người, sức của để cung cấp cho chiến tranh, đồng loạt tăng cường các loại thuế cũ và đặt ra nhiều thứ thuế mới.

Cũng như nơi khác, nhân dân Lý Nhân thêm đói khổ vì sưu thuế nặng nề và mùa màng thất bát, cùng với các loại lạc quyên, quốc trái dưới vỏ bọc mỵ dân. "Giúp đỡ các chiến sỹ Pháp - Việt đang chiến đấu", được mở ra liên tiếp làm cho người dân thêm oằn lưng khốn khổ. Thanh niên trai tráng ở hầu khắp các làng đều bị tổng động viên đi lính sang Pháp và các thuộc địa của Pháp khá nhiều. Khi phát xít Nhật kéo vào xâm chiếm Đông Dương, nhân dân ngày đêm rên xiết dưới thảm cảnh "1 cổ 2 trùng", càng thêm khổ cực.

Về chính trị, sau khi đã thủ tiêu hết những quyền dân chủ sơ đẳng mà nhân dân giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, tháng 3 - 1940, thực dân Pháp đã tiến hành nhiều cuộc vây quét, khủng bố nhằm triệt phá cơ sở cách mạng. Mở đầu là cuộc vây bắt, kiểm diện 300 thanh niên ở 4 làng: Đồng Vũ, Quan Nhân, Đồng Lâu, Thọ Lão để lung lạc tinh thần.

Cuối 1941, chúng vây bắt đồng chí Đỗ Văn Nhân, đảng viên, người làng Mạc Thượng, từng tham gia khởi nghĩa Bắc Sơn. Tuy bị khủng bố, truy quét, nhưng cơ sở cách mạng và những quần chúng trung kiên vẫn giữ vững tinh thần và sẵn sàng đón tiếp, nuôi dưỡng cán bộ về hoạt động.

Đối với Đảng ta, sự bùng nổ chiến tranh thế giới thứ 2 là điều đã được tiên đoán từ trước. Ngay trong thời

kỳ Mặt trận dân chủ, Trung ương Đảng đã đề ra một số chủ trương và hoạt động đề phòng khi chiến tranh bùng nổ. Do vậy, sau khi chiến tranh thế giới nổ ra, Trung ương Đảng kịp thời chỉ thị cho các Đảng bộ cơ sở và đảng viên nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, đồng thời chuyển trọng tâm công tác về nông thôn.

Thực hiện chủ trương của Đảng và quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (mùa đông 1939) tại Cổ Viễn - Bình Lục, phong trào của huyện có bước phát triển mới. Từ 1940 - 1942, một số cơ sở cách mạng vẫn duy trì hoạt động chờ sự chỉ đạo của cấp trên. Cuối năm 1941, đồng chí Lương Hiền (tức Lê Đông) là cán bộ của Đảng ở tỉnh Hưng Yên về chấp nối liên lạc với cơ sở cách mạng ở xã Mạc Thượng, vận động thành lập nhóm Thanh niên cứu quốc do đồng chí Nguyễn Đức Nghi lãnh đạo. Đến năm 1942, đồng chí Nguyễn Bá Ương (tức Thận) quê ở xã Hưng Công - Bình Lục <sup>(1)</sup>, về bắt liên lạc với tổ chức Thanh niên phản đế để hoạt động.

Năm 1943, đồng chí Phạm Văn Lịch, một cán bộ thuộc Đảng bộ Thái Bình, bị địch truy lùng lánh sang vùng Nam Lý Nhân, làm giáo viên ở thôn Phù Nhị, sau đó hoạt động trong đội hướng đạo sinh, mở rộng cơ sở sang các thôn khác, thành lập nhóm Thanh niên cứu quốc đầu tiên ở thôn Phú Cốc. Trong thời gian này, ở Vũ Điện, Nga Khê, các cán bộ Hưng Yên cũng đi về hoạt động, gây cơ sở.

Đánh hơi thấy các hoạt động cách mạng ở một số vùng, thực dân Pháp tung mật thám về theo dõi, lùng

---

(1) Đồng chí Nguyễn Bá Ương - đảng viên ĐCSVN, năm 1938 ra tranh cử Nghị viện Bắc Kỳ ở Hà Nam

sục. Ngày 19-10-1943, mật thám Hà Nội về vây bắt đồng chí Nguyễn Văn San (tức Ba) là cán bộ phụ trách công tác tài chính của Đảng tại nhà đồng chí Trần Văn Chư. Nhưng cả 2 đồng chí không có nhà. Chúng tìm thấy 42 tờ báo "... Cờ giải phóng", số ra ngày 26-8-1943, ở giỏ đựng quần áo trong nhà đồng chí Chư. Chúng liền bắt chị Nguyễn Thị Phong là vợ đồng chí Chư, đưa về Hà Nam tra tấn rất dã man nhưng chị Phong kiên quyết không khai. Không có đủ chứng cứ để giam giữ, chúng buộc phải trả tự do cho chị. Đến tháng 1-1944, chúng lại ập tới vây bắt đồng chí Chư đưa về Hà Nam tra khảo rồi đưa đi giam ở Hỏa Lò (Hà Nội) mãi đến tháng 3-1945 đồng chí Chư mới được trả tự do.

Tháng 12-1943, địch lại về truy bắt đồng chí Trần Văn Tích ở thôn Đà Tiềm. Đồng chí Tích hoạt động ở Nam Định trở về gây cơ sở ở quê hương. Đà Tiềm lúc đó là cơ sở của Tỉnh ủy Nam Định. Đến gần ngày khởi nghĩa giành chính quyền đồng chí Tích mới được tha về.

Tuy bị địch vây ráp, truy lùng liên tiếp, nhưng các cơ sở cách mạng vẫn như những ngọn lửa âm ỉ chờ gió để bùng lên. Đến cuối 1944, Xứ ủy cử đồng chí Lê Quang Tuấn (tức San) về phụ trách phong trào của tỉnh Hà Nam với nhiệm vụ chấp nối các cơ sở, bắt liên lạc với các cơ sở trước đây bị địch khủng bố vẫn còn hoạt động. Từ Hưng Yên, đồng chí chọn Mạc Thượng là điểm dừng chân đầu tiên. Từ Mạc Thượng có thể liên lạc, di chuyển đi Duy Tiên, Bình Lục, Kim Bảng, Phủ Lý, Thanh Liêm rất thuận tiện qua thư cuốn tổ sâu của Xứ ủy giới thiệu với các huyện, thị xã. Về Mạc Thượng đồng chí Tuấn được đồng chí Nguyễn Đức Nghi đưa đi liên hệ với các cơ sở ở Mạc Hạ, Thư Lâu, Thượng Vĩ. Vũ

khí đầu tiên dùng để phát tín hiệu liên lạc là rải truyền đơn, dán biểu ngữ. Được tin một số phần tử Đại Việt được quân Nhật bảo trợ tổ chức mít tinh ở sân vận động phủ Lý Nhân, đồng chí Tuấn đã lãnh đạo một tổ đấu tranh của Mạc Thượng vận động quần chúng gây ồn ào, anh em bí mật rải truyền đơn, dán biểu ngữ ủng hộ Việt Minh quanh khu vực mít tinh. Sau đó, các anh Nguyễn Hữu Ân (Chi Long), anh Trần Văn Dai ở Trần Xá đến liên lạc, trao đổi công tác với đồng chí Tuấn tạo thành những mắt xích liên hoàn từ Mạc Thượng đến Chi Long, Nga Khê, Trần Xá đều có cơ sở Việt Minh. Qua thư của anh Lê Liêm đồng chí Tuấn về liên hệ với anh Nguyễn Văn Thường (Tú Thường) ở Chi Long để hoạt động. Chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào cách mạng ở phía Bắc huyện được chấp nối. Từ Mạc Thượng qua nhân mối đồng chí Tuấn chuyển hoạt động về thôn Thư Lôu.

Ở Thư Lôu, dưới sự giúp đỡ của gia đình anh Nguyễn Ngọc Trân, các cơ sở cách mạng được chấp nối mở rộng sang một số vùng công giáo như Phú Đa, Công Xá, lạn xuống Cao Đường, Trương Xá, Đồng Vũ, Vũ Điện. Qua anh Trần Văn Hường, đồng chí Tuấn đã liên hệ được với cơ sở của anh Phạm Văn Lịch ở Phù Nhị, Trung Kỳ, sau đó chấp nối với các cơ sở cũ ở Phú Cốc, Lý Nhân, Như Trác, Bàng Ba, Phương Trà, Cao Đà, Đại Hoàng... Từ Đoàn hướng đạo sinh trong các hương sư của anh Lịch, được bồi dưỡng, phát triển sau trở thành Đoàn thanh niên cứu quốc ở vùng này.

Trong thời gian này, tình hình trong nước và trên thế giới có những chuyển biến tích cực có lợi cho cách mạng. Cuộc chiến tranh thế giới đang bước vào giai đoạn cuối, với thắng lợi áp đảo của quân đồng



minh. Hồng quân Liên Xô đang tiến quân như vũ bão trên khắp các chiến trường Đông - Tây châu Âu. Ở Đông Dương, mâu thuẫn giữa quân Nhật và Pháp ngày càng gay gắt. Quân Nhật ra sức vơ vét nhân, vật lực; biến Việt Nam và bán đảo Đông Dương thành bãi chiến trường. Cũng như cả nước, ở Lý Nhân ngoài vơ vét nhân, vật lực, phát xít Nhật còn bắt dân phải nhổ lúa, phá ngô trồng đay phục vụ chiến tranh. Ngày đêm lùng bắt trai tráng đi đào công sự để lập vành đai phòng ngự ở vùng núi xung quanh tỉnh Hà Nam.

Tất cả những thủ đoạn bòn rút của phát xít Nhật càng hun đúc sâu hơn lòng căm thù giặc của các tầng lớp nhân dân. Đây là thời cơ tốt để phát triển phong trào cách mạng. Do vậy, chỉ trong vòng 2 tháng được Xứ ủy cử về khôi phục phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, đồng chí Tuấn đã nhanh chóng móc nối với các cơ sở cũ, xây dựng mới nhiều cơ sở cách mạng tin cậy trong quần chúng, theo các vùng, miền trong huyện. Trên nền tảng các cơ sở cách mạng được chấp nối, nhiều tổ chức của Mặt trận Việt Minh được xây dựng như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc... Đây thực sự là lực lượng chính trị hùng hậu để chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Đêm 9-3-1945, Nhật làm đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương, đúng như nhận định của Đảng ta: *"Hai con chó để quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo như Đông Dương"* <sup>(1)</sup> chưa đầy một ngày sau, thực dân Pháp đã quỳ gối đầu hàng Nhật.

---

(1) Chỉ thị: Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Dẫn từ Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam (1939 - 1945) Nhà XB Sự thật Hà Nội 1963. Tr.74.

Sau khi Nhật độc chiếm Đông Dương, bộ máy chính quyền tay sai của Pháp từ huyện đến xã như rấn mất đầu hết sức hoang mang. Việc làm đầu tiên để củng cố hệ thống chính quyền tay sai của quân Nhật là: Ráo riết thi hành chính sách thống trị phát xít, một mặt ra sức đẩy mạnh vơ vét nhân tài, vật lực dốc vào cuộc chiến, một mặt nặn ra chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim với chiêu bài "Độc lập", giả hiệu để mỵ dân, hệ thống chính quyền cơ sở được khoác tên mới. Ở Lý Nhân, tri huyện được thay bằng huyện trưởng do chúng điều hành cất nhắc, tuyển lựa những tên Việt gian tay sai vào những vị trí quan trọng, giúp bọn này lập ra các tổ chức: "Ủy ban phụng sự quốc gia"; "... Đoàn thanh niên xã hội", làm chỗ dựa hậu thuẫn cho chính quyền bù nhìn. Thông qua các tổ chức tay sai này, chúng ra sức tuyên truyền cho chính sách: "Đại Đông Á" cho nên "Độc lập" bánh vẽ ở Việt Nam. Ở các làng, chúng tổ chức ra "Bảo an đoàn", một hình thức bán vũ trang để kiểm soát quần chúng, theo dõi các hoạt động cách mạng.

Cùng với các thủ đoạn lừa bịp về chính trị, quân Nhật tăng cường các hoạt động quân sự. Chiếm đóng các vị trí của Pháp, củng cố những nơi xung yếu, đóng thêm bớt ở Nga Khê, đẩy mạnh các hoạt động do thám; mở nhiều đợt bắt thanh niên bổ sung quân đội, làm bia đỡ đạn ở khắp các chiến trường.

Về kinh tế, chúng bắt nhân dân ta phải nhổ lúa, phá ngô để trồng đay, gai, thầu dầu, tăng cường vơ vét thóc gạo, lập nhiều kho tàng xung quanh huyện để chứa thóc. Cùng với thiên tai liên tiếp xảy ra vào năm 1944, chính sách kinh tế tàn khốc của phát xít Nhật đã gây thảm họa cho nhân dân, hàng vạn người lâm vào nạn đói, hàng nghìn người bị chết đói tháng 3-1945.

Tất cả những hành động cướp của, giết người của quân Nhật càng nung nấu ý chí, lòng căm thù giặc cao độ của các tầng lớp nhân dân.

Nhật - Pháp bắn nhau, đã dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, chính quyền Pháp mau chóng tan rã, chính quyền Nhật chưa ổn định, bọn tay sai còn chưa hết cơn bàng hoàng trước cảnh thay thầy, đổi chủ quá đột ngột. Chớp được thời cơ đó, thi hành Chỉ thị lịch sử: "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương Đảng, tại hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh họp ở Ngọc Động, Duy Tiên (tháng 4-1945) đã cử ra Ban cán sự lâm thời tỉnh Hà Nam gồm 5 đồng chí, đồng chí Lê Quang Tuấn được phân công phụ trách phong trào huyện Lý Nhân. Hội nghị đã quyết định một số công tác trước mắt nhằm phát động quần chúng sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa, tiếp tục bắt liên lạc với cơ sở cũ, phát triển thêm cơ sở mới.

Thực hiện sự chỉ đạo của Xứ ủy và Nghị quyết Hội nghị Ban cán sự Hà Nam mở rộng tại xã Cao Mật (Kim Bảng, đầu tháng 5 - 1945) phong trào cách mạng của huyện như được tiếp thêm sức mạnh. Các tổ tự vệ cứu quốc được thành lập ở nhiều nơi như: Vũ Điện, Đồng Vũ, Quan Nhân, Trẹm Khê, Trương Xá, Đồng Yên, Thôn Hàn, Thôn Nội, Thôn Trương... Riêng ở xã Mạc Thượng đã có tới ba tổ tự vệ; các tổ tự vệ đều tích cực mua, sắm vũ khí, luyện tập quân sự chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền. Phong trào cách mạng ở Lý Nhân từ đây bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ, bắt nhịp với phong trào của toàn tỉnh.

Cuối tháng 5-1945 lợi dụng dịp đi lễ đền Bà Trương (Vũ Điện) trên 1 chuyến dò dọc, đồng chí Lê Quang

Tuấn dã chủ trì việc thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời huyện gồm 3 đồng chí, bàn và quyết định nhiều mặt công tác để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Cao Mật. Sau hội nghị này, công tác tuyên truyền được đẩy lên một bước. Ban vận động Việt Minh lâm thời đặc biệt coi trọng hình thức phát tán truyền đơn, tuyên truyền xung phong, mít tinh, biểu tình vạch tội ác của phát xít Nhật và tay sai, kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia Mặt trận Việt minh để đánh đổ bọn chúng. Truyền đơn, khẩu hiệu được các tổ tự vệ rải trên địa bàn rộng tung ở nhiều xã. Trên các điểm đê sông Hồng, sau một đêm, truyền đơn, khẩu hiệu tung bay trắng xóa: “Chống Nhật thu thóc, thu thuế”; “Đánh đuổi phát xít Nhật; “Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân”... Thư kêu gọi tổng lý của Việt Minh... làm cho bè lũ tay sai vô cùng lo sợ.

Hoạt động của các đội tuyên truyền xung phong đã gây tiếng vang lớn: Có mít tinh, tuần hành, vũ trang ở các chợ, có bắn súng, đốt pháo, trưng cờ, diễn thuyết, phát tán khẩu hiệu, truyền đơn. Tiêu biểu nhất là cuộc vũ trang tuyên truyền lớn ở chợ Cầu Không ngày 31-7-1945 do Ban vận động Việt Minh huyện tổ chức với hàng nghìn người nghe, các xã đều cử người về dự. Đầu tháng 8 - 1945, ở phía Bắc huyện, 1 cuộc tuyên truyền vũ trang lớn lại được tổ chức tại chợ Mạc Thượng, cách huyện lỵ khoảng 2 km, trước đông đảo quần chúng, các diễn giả đã vạch trần tội ác của giặc Nhật, cùng thế thất bại của chúng ở Đông Dương cũng như trên thế giới. Dự báo giờ tận số của chúng đang tới gần. Kêu gọi nhân dân tham gia ủng hộ Việt Minh, chống nộp thóc, nộp thuế, trồng đay cho Nhật. Kêu gọi nhân dân đoàn kết, ủng hộ cách mạng, tiến lên đánh đổ chúng khi thời cơ đến.

Thanh thế và uy tín của Việt Minh đã có ảnh hưởng lớn trong các tầng lớp nhân dân, ngày càng có nhiều người tham gia Mặt trận Việt Minh, không chỉ thanh niên, học sinh, nhân dân lao động mà cả một số địa chủ, tầng lớp trên hào lý, chánh, phó tổng, lý trưởng, chức sắc tôn giáo cũng nhận rõ đường lối cứu nước đúng đắn của Đảng, do vậy họ đã công khai hoặc bí mật ủng hộ Việt Minh như tổng Mọi...

Các đoàn thể cứu quốc cũng thu hút thêm nhiều hội viên mới: Thanh niên luôn là nòng cốt trong các tổ tự vệ; tổ chức Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc ngày càng thể hiện rõ vai trò của mình trong Mặt trận Việt Minh.

Các đội tự vệ cũng không ngừng phát triển ở Phú Cốc, Lý Nhân, Thọ Ích, Mão Cầu, Mạc Thượng, Mạc Hạ, Thư Lâu... Các đội tự trang bị vũ khí thô sơ, có đội được trang bị súng. Việc rèn, sắm vũ khí, quyên tiền mua vũ khí được tổ chức ở nhiều nơi.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển phong trào, Ban vận động Việt Minh lâm thời chỉ đạo cơ sở từng bước giác ngộ, triệt phá tổ chức bảo an đoàn, tìm cách ngăn chặn, cô lập bọn tay sai đầu sỏ gian ác, đưa nhân mỗi vào hoạt động, tuyên truyền, cảm hóa, biến lực lượng này thành lực lượng của cách mạng.

Để thúc đẩy cao trào kháng Nhật cứu nước, củng cố tổ chức, đồng thời đáp ứng đòi hỏi, nâng cao năng lực lãnh đạo cho cán bộ. Đầu tháng 6 - 1945, Ban cán sự tỉnh đã mở lớp huấn luyện quân sự cấp tốc cho cán bộ các huyện, thị xã tại nhà anh Trần Văn Hường ở thôn Phú Cốc, với hơn 40 học viên do đồng chí Lê Quang Tuấn phụ trách. Lớp học này nhằm đào tạo cán bộ chỉ

huy quân sự cả về lý luận và thực tế cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở các huyện trong toàn tỉnh. Khóa học kéo dài trong 2 tuần, ban ngày học lý thuyết, ban đêm thực hành. Ở Lý Nhân, tham dự lớp học có anh Nguyễn Ngọc Chân ở Chi Long; anh Trần Đức Tuy ở Đại Hoàng; Trần Văn Hường ở Phú Cốc và một số anh em khác.

Lớp học được tổ chức vào thời điểm phong trào Việt Minh huyện đã phát triển mạnh, lại được quần chúng đùm bọc, bảo vệ, lương ăn do nhân dân và đội hướng đạo sinh của anh Phạm Văn Lịch giúp đỡ, được cả gia đình anh Hường hỗ trợ về “cấp dưỡng và hậu cần” do vậy với quy mô và số lượng học viên đông, thời gian kéo dài, nhưng lớp học vẫn được bảo vệ an toàn.

Nhằm nâng cao năng lực công tác, trình độ chính trị cho đội ngũ cán bộ Việt Minh toàn huyện. Tháng 7 - 1945, Ban cán sự Việt Minh huyện đã tổ chức lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ chủ chốt của cơ sở tại nhà bà Chỉ Tấn, thôn Cao Đường. Trong bảy ngày học tập, các học viên được tìm hiểu, nghiên cứu về: Lịch sử tiến hóa nhân loại, chương trình của Mặt trận Việt Minh, 5 bước công tác cách mạng, 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Lớp học do đồng chí Hà Kế Tấn, Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ về giảng dạy, huấn luyện.

Trên cơ sở tiếp thu những kiến thức về quân sự, chính trị, đã tạo nên sự chuyển biến cơ bản về nhận thức; các cán bộ sau khi được đào tạo đã nhanh chóng trở thành lực lượng nòng cốt bắt tay ngay vào việc lãnh đạo cơ sở tiến lên cùng “sấm vũ khí, đuổi thù chung”.

Trong những ngày này, không khí cách mạng bao trùm khắp các làng quê, cũng là lúc nạn đói đang diễn

ra nghiêm trọng, Ban cán sự Việt Minh huyện lãnh đạo nhân dân đấu tranh để giải quyết nạn đói. Từ những hình thức vận động cứu trợ thông thường như kêu gọi tương thân tương ái, lạc quyền trong nhân dân, đến các hình thức: “Khất thực” buộc các nhà giàu phải xuất thóc cho dân vay. Mặt khác thuyết phục bọn chánh tổng, lý trưởng không được thu thóc, thu thuế của nhân dân nộp cho Nhật, hoặc vận động nhân dân cương quyết không nộp... Tiến lên một bước cao hơn nữa, ngày 18-7-1945; Ban cán sự Việt Minh huyện đã huy động lực lượng tự vệ cùng lực lượng quần chúng dùng áp lực với bọn tổng, lý ở Đông Trạ tịch thu tiền thuế đem trả lại cho dân nghèo.

Những việc làm thiết thực trên cũng là chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng: “Phá kho thóc của Nhật để cứu đói”, đó cũng còn xuất phát từ yêu cầu bức thiết của quần chúng lúc bấy giờ. Chủ trương đó đã giải quyết được mâu thuẫn gay gắt đang diễn ra trong đời sống xã hội, đáp ứng khát vọng từng ngày, từng giờ của nhân dân. Cho nên phong trào cứu đói, bắt lý dịch phải trả lại tiền thuế cho dân đã nhanh chóng lan rộng sang các xã: Phúc Mãn, Phú Cốc, Lý Nhân và nhiều nơi khác trong huyện, trở thành cao trào cách mạng mạnh mẽ chưa từng có, góp phần giải quyết một phần đời sống cho dân nghèo. Từ mục tiêu cứu đói đạt kết quả tốt, quần chúng càng sôi nổi ủng hộ cách mạng, hăng hái tham gia các hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Uy tín của Mặt trận Việt Minh ngày càng được đề cao. Những tiền đề cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đã xuất hiện. Quần chúng hăng hái đi theo cách mạng, lực lượng trung gian cũng đã được tuyên truyền ngả về phía Việt Minh. Đó cũng là một trong những yếu tố đảm bảo quyết định cho thắng lợi của cách mạng.

Khi lò lửa của chủ nghĩa phát xít ở Châu Âu bị dập tắt, bằng sự kiện Hồng quân Liên Xô tấn công vào Béc-lin, sào huyệt của chúng, thì ngày tận số của phát xít Nhật cũng đang đến gần. Sau khi bị giáng những đòn sấm sét trong vài ngày tuyên chiến với Liên Xô, ngày 13-8-1945, Nhật hoàng công bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ 2 chấm dứt, đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước thuộc địa vùng lên giành chính quyền về tay mình, "Giờ quyết định vận mệnh của dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta..."<sup>(1)</sup>.

Ở trên địa bàn toàn tỉnh, hàng ngũ quân đội Nhật hoang mang rệu rã đến tột đỉnh. Tay chân của chính phủ Trần Trọng Kim bị tê liệt. Thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền đã đến.

Trước những diễn biến thuận lợi đó, Ban cán sự Việt Minh huyện được triệu tập đi dự hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại Lũng Xuyên (Duy Tiên) từ 15 - 17-8-1945 để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh, các huyện và nhận lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy. Đối với cấp huyện, hội nghị quyết định: Trong khởi nghĩa giành chính quyền cần kết hợp quân sự với chính trị, dụ hàng quân địch trước khi đánh; triệt để cô lập quân Nhật, sẵn sàng đối phó nếu chúng ngoan cố chống lại. Thành lập Ủy ban quân sự cách mạng...

Thực hiện chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa của Trung ương và Nghị quyết hội nghị Lũng Xuyên, ngày 19-8-1945

---

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập - NXB Sự thật - Hà Nội 1980 - Tr. 347.



Ban cán sự Việt Minh huyện đã nhanh chóng triệu tập hội nghị đại biểu toàn huyện bàn kế hoạch giành chính quyền. Hội nghị đặt tại nhà anh Bùi Đình Đàm, cơ sở cách mạng ở thôn Thư Lâu, cách huyện lỵ không đầy 1 km; Dự hội nghị có gần 30 cán bộ Việt Minh của huyện và cơ sở. Hội nghị đã nghe phổ biến lệnh khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh, quán triệt tinh thần Nghị quyết Ban cán sự tỉnh và kế hoạch khởi nghĩa của Ủy ban quân sự cách mạng tỉnh. Bàn và thống nhất kế hoạch khởi nghĩa của huyện. Hội nghị đã cử ra Ủy ban quân sự cách mạng gồm: Nguyễn Hữu Ân, Trần Văn Hường, Trần Văn Dai, Nguyễn Ngọc Trân. Đồng chí Lê Quang Tuấn, Ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng tỉnh được phân công chỉ huy khởi nghĩa ở huyện Lý Nhân đã công nhận Ủy ban này.

Ở Lý Nhân, xung quanh huyện lỵ có rất nhiều kho thóc của Nhật với số lượng lớn, có 1 tiểu đội lính Nhật trực tiếp bảo vệ, do đó việc giành chính quyền sẽ có phần phức tạp. Hội nghị quyết định tránh va chạm với quân Nhật, nhưng cũng phải kiên quyết đối phó nếu chúng phá kế hoạch khởi nghĩa.

Theo kế hoạch thì sáng 20-8, lực lượng khởi nghĩa sẽ tập kết tại chợ Nẻ, ngay trước cổng huyện. Anh Nguyễn Ngọc Trân chỉ huy lực lượng vũ trang bất ngờ đột nhập huyện đường, nhanh chóng cô lập tước vũ khí bọn lính cơ, bắt sống tên huyện trưởng. Một bộ phận khác do anh Thiện chỉ huy sẵn sàng đối phó với quân Nhật. Huy động đông đảo lực lượng quần chúng cách mạng bao vây bên ngoài làm áp lực. Đồng thời phải tập trung lực lượng tự vệ làm nòng cốt, tiểu đội tự vệ thôn Thư Lâu được Ủy ban quân sự cách mạng chỉ định sẵn sàng làm nhiệm vụ.